**CHỮA BÀI TẬP CHƯƠNG 1**

**Vấn đề 1: Ý nghĩa của sự ra đời Đảng Cộng Sản Việt Nam**

* **Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là sản phẩm kết hợp của 3 yếu tố** : Chủ nghĩa Mac-Lenin , phong trào công nhân và phong trào yêu nước .

+ Theo quy luật chung của sự hình thành Đảng Cộng Sản trên thế giới là sản phẩm kết hợp của 2 yếu tố Chủ Nghĩa Mac-LeNin và phong trào công nhân (Chủ Nghĩa Mác-Lenin là vũ khí lí luận của giai cấp công nhân)

+ Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời ngoài tuân thủ quy luật chung còn có thêm 1 yếu tố nữa đó là phong trào yêu nước . Bởi vì dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước nồng nàn , trải qua hàng nghìn năm dựng và giữ nước dần dần đã hun đúc lên tinh thần yêu nước của dân tộc ta.

* *Đây là quy luật đặc thù và là sự vận dụng sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt nam .*

**+ Phong Trào yêu nước trở thành yếu tố độc lập kết hợp với Chủ Nghĩa Mác-LeNin và phong trào công nhân để tạo nên sự ra đời Đảng Cộng Sản Việt Nam 2/1930 là phong trào yêu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản .**

**.** Trước hoàn cảnh nước mất nhà tan , các phong trào đấu tranh diễn ra bị thất bại , đất nước rơi vào khủng hoảng về con đường cứu nước thì ngày 5/6/1911 Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước , tại bến cảng Nhà Rồng trên con tàu Amiral latouche Tréville .

. Trên hành trình ấy 7/1920 Người đã đọc luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-Nin, 12/1920 Người đã bỏ phiếu tán thành thành lập ra Đảng Cộng Sản Pháp .

* Như vậy Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người Việt Nam đầu tiên đi từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đến với Chủ nghĩa Mác-LeNin (quốc tế Vô Sản) , và là người Việt Nam là người đầu tiên tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc đó là con đường cách mạng vô sản .

. Sau khi tìm được con đường cứu nước thì Người đã tiếp thu , học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mac-Lenin ở Pháp , Liên Xô và Trung Quốc . Sau đó 1921 Người đã truyền bá tư tưởng này vào nước ta bằng nhiều cách .

**.** 6/1925 :Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên . Đây là tổ chức yêu nước nước đứng trên lập trường đại diện cho cách mạng vô sản do Bác trực tiếp lãnh đạo , huấn luyện , đào tạo thanh niên đi theo cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc và tổ chức này đã ra tờ báo thanh niên đầu tiên để tuyên truyền tổ chức này .

**.** 1928 : Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên tổ chức vô sản hóa . Đưa thanh niên huấn luyện từ Trung Quốc về Việt Nam để truyền bá và giác ngộ Chủ Nghĩa Mác-LêNin ( cùng ăn , cùng ở và cùng làm trong hầm mỏ , xí nghiệp ) từ đó mà Chủ Nghĩa Mác-LêNin mới xâm nhập được vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước của Việt Nam , đã thúc đẩy phong trào lên tới đỉnh cao về số lượng và chất lượng .

* từ đó mà cần 1 chính Đảng đã ra đời để lãnh đạo phong trào cách mạng.

. 1929-1930 : Các tổ chức Cộng Sản ra đời

. Đông Dương Cộng Sản Đảng

. An Nam Cộng Sản Đảng

. Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn

* 3 tổ chức này ra đời đáp ứng được bước đầu các phong trào cách mạng nhưng sau đó hoạt động mâu thuẫn , chia rẽ với nhau làm ảnh hưởng tới phong trào cách mạng , yêu cầu đặt ra là phải hợp nhất thành 1 chính Đảng duy nhất .

. 2/1930:tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc), dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, thành một đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam, với mục tiêu lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam tiến hành giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người tiến lên chủ nghĩa xã hội.

**Nếu không có phong trào yêu nước thì ĐCS có ra đời không ?**

**Trả lời** : Có vì phong trào yêu nước chỉ như 1 chất xúc tác thúc đẩy DCS VN ra đời sớm hơn (2/1930) tuy nhiên nếu không có thì ĐCS VN vẫn ra đời nhưng muộn hơn vì phải chờ giai cấp công nhân trưởng thành và phát triển .

=> Như Vậy Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của ba yếu tố là Chủ Nghĩa Mác-LeNin , phong trào công nhân và phong trào yêu nước .

-Ý Nghĩa :

+ ĐCS ra đời là sản phẩm của lịch sử đấu tranh dân tộc và giải quyết yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam.

+ ĐCS ra đời là sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam. Từ đây, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo duy nhất của ĐCSVN - một Đảng mác-xít kiên cường, có đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo, đủ sức đương đầu với mọi kẻ thù và sẽ dẫn dắt dân tộc giành những thắng lợi vẻ vang trong lịch sử dân tộc.

**Vấn đề 2: Làm rõ những nội dung cơ bản của cương lĩnh chính trị đầu tiên(2/1930)**

**I.Hội nghị thành lập Đảng:**

1 Thời gian,địa điểm,người chủ trì:

- Hội nghị diễn ra từ ngày 6/1/1930 đến ngày 7/2/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng-Trung Quốc) do Nguyễn Ái Quốc làm chủ trì

2 .Nội dung của Hội nghị:

- Quyết định hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Hội nghị thảo luận và thông qua các văn kiện:

+ Chánh cương vắn tắt

+ sách lược vắn tắt

+ Điều lệ tóm tắt

+ Chương trình tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo

-> Những văn kiện này hợp thành cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng.

- Cử ra ban chấp hành trung ương lâm thời.

- Ngày 24/2/1930 Đông Dương Cộng sản liên đoàn chính thức gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam đã hoàn tất việc hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam

**II.Nội dung cương lĩnh:5 nội dung**

**Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam**: **.**

* Đảng chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản , để chứng minh cho nội dung này ta trình bày qua 3 luận cứ .
* **Luận cứ 1(Khái niệm):**

+ Cách mạng tư sản dân quyền : là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng Sản lãnh đạo.

+ Thổ địa cách mạng : Là cuộc cách mạng mang lại ruộng đất cho nông dân

+ Xã hội Cộng Sản : là mô hình xã hội tiến bộ nhất của loài người theo Mác.

* **Luận cứ 2(Mục đích) :**

- Mục đích của cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng là nhằm giải quyết hai mâu thuẫn cơ bản trong lòng xã hội Việt Nam thuộc địa nửa phong kiến đó là mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp.

+ Mâu thuẫn dân tộc là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt nam với thực dân Pháp và tay sai .

+ Mâu thuẫn giai cấp : là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam , trong đó chủ yếu là nông dân và địa chủ phong kiến

* **Luận cứ 3:**

- Khi hoàn thành cuộc vận động thứ nhất tức là cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng Việt Nam đã đi tới xã hội cộng sản(đi tới Cuộc vận động thứ 2)

-> Hai cuộc vận động này có quan hệ mật thiết với nhau , thúc đẩy và ảnh hưởng lẫn nhau.

**2 Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng**:

3 nhiệm vụ chính và 4 luận cứ:

**Chính trị**:

* Đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập.
* Thành lập chính phủ công nông binh và tổ chức quân đội công nông.

**Kinh tế**:

* Quốc hữu hóa toàn bộ tài sản lớn của đế quốc Pháp (như công trình giao thông, nhà máy, xí nghiệp, ngân hàng…) giao cho chính phủ Công Nông Binh quản lý.
* Tịch thu toàn bộ ruộng đất của đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo.
* Giảm sưu thuế cho dân cày nghèo.
* Mở mang công nghiệp, nông nghiệp, thực hiện luật ngày làm 8 giờ.

**Văn hoá, xã hội**:

* Dân chúng được tự do tổ chức (như tự do đi lại, hội họp, ngôn luận, báo chí…)
* Thực hiện nam nữ bình đẳng
* Phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

**=> Nhận xét:** Như vậy, cuộc cách mạng có ba nhiệm vụ nhưng thực chất là giải quyết hai vấn đề cơ bản của cách mang VN, đó là vấn đề chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó nhiệm vụ chống đế quốc là hàng đầu.

**3. Lực lượng cách mạng**:

- Công nhân và công dân là lực lượng nòng cốt của cách mạng Việt nam và họ chiếm 95% dân số trong đó:

+ Đối với công nhân: Đảng phải đoàn kết công nhân để lãnh đạo dân chúng

+ Đối với nông dân: Đảng phải đoàn kết toàn bộ nông dân,dựa vững vào dân nghèo để lãnh đạo họ làm cách mạng riêng.

- Đối với những lực lượng chưa lộ bộ mặt phản cách mạng thì đảng phải lôi kéo, lợi dụng hoặc trung lập họ như tiểu tư sản,tri thức,….Đối với lực lượng đã lộ bộ mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ ( như Đảng Lập Hiến…).

- Nguyên tắc khi liên minh là không đi vào con đường thỏa hiệp với kẻ thù,đặt lợi ích của công nhân và nông dân lên hàng đầu.

**4 Lãnh đạo cách mạng**:

- Giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam thông qua đội tiên phong của mình là Đảng cộng sản.

- Đảng đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn, nhằm giải phóng toàn thể dân tộc VN.

- Đảng có vững thì phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

**5 Quan hệ quốc tế:**

- Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới đoàn kết với các dân tộc bị áp bức thuộc địa.

- Đoàn kết giai cấp vô sản trên toàn thế giới đặc biệt là vô sản .

**III . Ý nghĩa của Cương lĩnh:**

- Cương lĩnh đã đưa ra Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam , Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng , Lực lượng cách mạng , Lãnh đạo cách mạng và Quan hệ quốc tế

- Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng là cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo,tài tình

- Đáp ứng được yêu cầu khách quan của lịch sử.

- Đã đưa cách mạng VN giành nhiều thắng lợi hết thắng lợi này đến thắng lợi khác .

**Vấn đề 2: Làm rõ những nội dung của luận cương chính trị tháng 10/1930?Hạn chế của luận cương là gì?**

Bài làm

\***Nội dung HNTW lần thứ nhất và Luận cương chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án để thảo luận trong Đảng)**

- Từ ngày 14 đến 31-10-1930, Ban chấp hành Trung ương họp hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc), do đồng chí Trần Phú chủ trì

*-* ***Nội dung hội nghị****: (3 nội dung chính)*

+ Quyết định đổi tên Đảng từ ĐCSVN thành Đảng CSĐD

+ Hội nghị quyết định "thủ tiêu cương lĩnh chính trị và thực hiện nội dung luận cương ”.

+ Bầu ban chấp hành Trung ương chính thức do Trần Phú làm tổng bí thư

*-* ***Nội dung Luận cương****: (7 nội dung chính)*

+ Xác định mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là “một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa”.

+ Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc “*cách mạng tư sản dân quyền*”, “*có tính chất thổ địa và phản đế*”. Sau đó sẽ tiếp tục “*tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa bỏ qua thời kỳ tư bản*”.

+ Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải

* “*đánh đổ phong kiến, giành lại ruộng đất cho dân cày*”
* “*đánh đổ đế quốc (chủ nghĩa Pháp), giành lại độc lập dân tộc*”.

🡪 Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau: *Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền*”, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

+ Lực lượng cách mạng: Giai cấp công nhân và nông dân là hai động chính của cách mạng tư sản dân quyền (các giai cấp khác đều coi là phản động).

+ Về phương pháp cách mạng: Luận cương dùng vũ trang bạo động để làm cách mạng. Vũ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”.

+ Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương khẳng định: “điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng cộng sản có một đường chính trị đúng có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành”. ( như cương lĩnh )

+ Đoàn kết quốc tế: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp, và phải mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa . ( như cương lĩnh )

***- Hạn chế của luận cương****:*

+ Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã xác định nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng. Tuy nhiên, Luận cương đã

- Không vạch rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa, không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất. ( từ xác định mâu thuẫn và nhiệm vụ cách mạng )

- Luận cương chỉ nhìn thấy vai trò của công nhân và nông dân mà không thấy được vai trò, tinh thần yêu nước của các giai tầng khác trong xã hội, vì vậy không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và tay sai. ( Từ Lực lượng cách mạng )

+ ***Nguyên nhân*** của những hạn chế đó là do

* *Nhận thức chưa đầy đủ về thực tiễn cách mạng thuộc địa*,
* *Chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh*

nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản và một số Đảng Cộng sản anh em trong thời gian đó.

+ Những hạn chế của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, giữa hai nhiệm vụ giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất, cũng như trong việc tập hợp lực lượng cách mạng còn tiếp tục kéo dài trong nhiều năm sau.

**Vấn đề 4: Làm rõ chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng 1939-1941? HNTw nào trong giai đoạn này đã khắc phục đc hạn chế của LCCT 10/1930?**

Bài làm:

**\* Bối cảnh lịch sử**

+ Thế giới:

- Ngày 1/9/1939, Đức bất ngờ tấn công Ba lan. Ngày 3/9/1939, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Như vậy, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

- Tại nước Pháp, chính phủ Đalađiê (Daladier) thi hành một loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ.

- Tháng 6-1940, Đức tiến công Pháp. Chính phủ Đờ Gôn (De Gaulle) bỏ chạy. Chính phủ phản động Pêtanh (Pétain) lên cầm quyền. Tháng 6-1941, Đức tiến công Liên Xô, chiến tranh lan rộng. Tháng 12-1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. Quân Nhật lần lượt đánh chiếm nhiều thuộc địa của Mỹ và Anh ở trên biển và trong đất liền, cuộc chiến tranh lan rộng ra toàn thế giới.

+ Đông Dương :

Thực dân Pháp tăng cường bộ máy đàn áp, lệnh thiết quân luật được ban bố. Ngày 28-9-1939 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội, đoàn, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người…

- Thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng; thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” nhằm tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ cuộc chiến tranh đế quốc.

-Nguyên nhân chính dẫn đến Đảng chuyển hướng chỉ đạo chiến lược: Tháng 9-1940, Nhật xâm lược Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”, mâu thuẫn dân tộc phát triển sâu sắc, đòi hỏi cần phải giải quyết cấp bách. Vì vậy, Đảng chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.

\* Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

+ Thể hiện ở các văn kiện :

- Thông cáo của ĐCSVN, ngày 29-9-1939, “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 6, họp tháng 11-1939, tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định), do đồng chí Nguyễn Văn Cừ chủ trì.

- Hội nghị Trung ương 7, thán 11/ 1940, tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh).

- Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng vào tháng 5-1941, ở Pắc Pó Cao Bằng, do Nguyễn Ái Quốc chủ trì.

+ Nội dung chủ trương:5 nội dung

**1. Mối quan hệ giữa 2 nhiệm vụ chiến lược(Chống đế quốc và chống phong kiến)**

Mối quan hệ : Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam đó là :chống đế quốc để giải phóng dân tộc và chống phong kiến để người cày có ruộng, nhưng lúc này nhiệm vụ chống đế quốc đế quốc được đặt lên hàng đầu, còn nhiệm vụ chống phong kiến thì thực hiện từng bước để phục vụ cho mục tiêu số 1 là Giải Phóng Dân Tộc

**Hội nghị trung ương 6(11-1939) :**

+)Đối với nhiệm vụ chống đế quốc giải phóng dân tộc

-Hội nghị nhận định: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giải phóng dân tộc”.

-Sau khi nhận định hội nghị mới quyết định chuyển hướng chỉ đạo đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

+)Đối với nhiệm vụ chống phong kiến

Đối với nhiệm vụ chống phong kiến, hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” mà thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay nặng lãi, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho dân cày, Nhằm tập hợp mọi lực lượng để giải phóng dân tộc.

**+ Hội nghị Trung ương 8 (5/1941)**

Hội nghị khẳng định: Cách mạng ĐD lúc này không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền có tính chất phản đế và thổ địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp là “dân tộc giải phóng”. Hội nghị quyết định tiếp tục chuyển hướng chiến lược đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

\*\*Điểm hoàn thiện hơn so với hội nghị trung ương 6(11/1939)

- vấn đề dân tộc được giải quyết trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, ba nước có thể hỗ trợ lẫn nhau nhưng không lệ thuộc vào nhau.

-Đối với nhiệm vụ chống phong kiến, Hội nghị quyết định tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất”, mà thay bằng các khẩu hiệu, tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo,chia lại ruộng đất công cho nông dân, giảm tô, giảm tức…\_ ->Thực hiện 1 bước quyền lợi đối với nông dân

-chỉ tập chung vào Viêt gian và đế quốc những người đã lộ rõ mặt phản cách mạng nên chỉ có thế đánh đổ không thể lôi kéo

**2. Chủ trương thành lập MTDTTN nhằm tập hợp mọi lực lượng, phục vụ cho nhệm vụ giải phóng dân tộc.**

a) Hội nghị Trung ương 6 (11/1939):

* Chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (thay cho mặt trận dân chủ Đông Dương), đoàn kết tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương để chống thực dân Pháp và tay sai giành độc lập cho dân tộc.

b) Hội nghị Trung ương 8 (5/1941):

* Từ việc khẳng định vấn đề dân tộc được giải quyết trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, hội nghị chủ trương thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng. -> vì vấn đề dân tộc được giải quyết trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, ba nước có thể hỗ trợ lẫn nhau nhưng không lệ thuộc vào nhau.
* Ở Việt Nam chủ trương thành lập Hội Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt Minh, nòng cốt của mặt trận là các đoàn thể Cứu quốc.
* Ở Lào là Ai Lao độc lập đồng minh.
* Ở Campuchia là Cao Miên độc lập đồng minh.
* Ý nghĩa của những tên Việt Minh , Ai Lao độc lập đồng minh , Cao Miên độc lập đồng minh : Các nước Đông Dương đứng về phía đồng minh chống phát xít, chống chiến tranh giành độc lập cho dân tộc.

=> Mục tiêu số 1 là độc lập dân tộc , đứng về phía đồng minh để giành độc lập , giải phóng dân tộc

**3. Vấn đề khởi nghĩa vũ trang**

-Hội nghị Trung ương lần 7 (tháng 11-1940) quyết định đưa khởi nghĩa vũ trang vào chương trình nghị sự. . Hội nghị quyết định duy trì đội du kích Bắc Sơn và chủ trương hoãn cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ, vì chưa đủ điều kiện.

- Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941), khẳng định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân trong giai đoạn hiện tại.

Phải chuẩn bị về lực lượng chính trị, vũ trang, căn cứ địa cách mạng… để khi thời cơ đến sẽ tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

\*\* Điểm hoàn thiện hơn so với Hội nghị TW 7

* Khẳng định khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trọng tâm
* Chuẩn bị lực lượng chính trị, vũ trang, căn cứ đại cách mạng
* \*\* Điểm hoàn thiện hơn HNTW 6 Hội nghị đã đưa ra được phương châm khởi nghĩa, đi từ khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương thắng lợi, tiến tới 1 cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền

**4. Mô hình nhà nước**

+ Hội nghị Trung ương 6 chủ trương nếu cách mạng thành công sẽ thành lập Liên bang cộng hòa dân chủ Đông Dương.

+ Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) khẳng định thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”. Sau khi đánh đuổi Pháp-Nhật, các dân tộc trên cõi Đông Dương sẽ tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia độc lập tùy ý. Đối với VN, hội nghị chủ trương: sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần tân dân chủ. Chọn Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh.

: các dân tộc Đông Dương tách ra khỏi liên bang, thành lập 1 quốc gia độc lập tùy ý.

**5. Vấn đề xây dựng Đảng**

Các hội nghị Trung ương của Đảng đều chú trọng công tác xây dựng Đảng như đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuẩn bị cho CMT8. Vì vậy, trong cách mạng tháng Tám có 20.000 đảng viên và một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

**\* Ý nghĩa của chủ trương:**

* Chủ trương đã khẳng định 2 nhiệm vụ chiến lược , thành lập MTDTTN , đặt ra vấn đề khởi nghĩa vũ trang , xây dựng mô hình nhà nước , xây dựng Đảng .
* Chủ trương này của Đảng là sáng suốt , kịp thời , thông minh , tài tình giúp đất nước trên con đường giải phóng dân tộc .
* Là nhân tố quan trọng giúp CM Tháng Tám giành được thắng lợi .

**Vấn đề 5: Làm rõ nguyên nhân thành công, ý nghĩa LS và kinh nghiệm của CMT8?**

* **Nguyên Nhân :**
* **Khách quan :**

1:Thế giới

+ Đức tuyên bố đầu hàng quân đồng minh chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc ở Châu Âu .

+ Khi quân phát xít tuyên bố đầu hàng vô điều kiện quân đồng minh , chiến tranh kết thúc ở châu Âu theo tinh thần của hội nghị Pốtxđam (1945) Hồng quân liên xô tiến vào đông bắc trung quốc và tiêu diệt hơn 1 triệu quân Tam Đông của Nhật và giải phóng toàn bộ đông bắc Trung Quốc .

+ 6/8 : Mĩ ném 2 quả bom nguyên tử xuống 2 thành phố của Nhật là Hiroshima và Nagasaki

+ 10/8 : Đồng minh yêu cầu Nhật đầu hàng

+ 14/8 : Nhật đầu hàng vô điều kiện

* Chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc thắng lợi thuộc về phe đồng minh

2: Đông Dương

+ Ở Đông Dương Pháp bị quân Nhật đánh bại , Phát xít Nhật kẻ thù chính của nhân dân ta đã bị đánh bại hoàn toàn , đây là điều kiện vô cùng thuận lợi , có thể nói là ăn may được nhưng may mắn ấy không chỉ Việt Nam mà toàn thế giới đặc biệt là các nước thuộc địa của Anh hay Pháp hay Hà Lan ,.. Những năm 1945 Việt Nam là nước duy nhất giành được độc lập ở Châu Á vì thế mà ta xét đến điều kiện chủ quan .

* **Chủ quan :**

+ Đảng ta đã vạch ra đường lối tài tình , đúng đắn ,sáng tạo :

. Trong suốt 15 năm qua 3 phong trào cách mạng 30-35, 36-39 , 39-45

. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta đã giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc , khi tình hình và thời cơ đến thì Hội nghị Tw 6,7,8 chuyển hướng đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu

* cho ta thấy được sự nhanh chóng đúng đắn về đường lối .

. Khi thời cơ ngàn năm có một tới thì Hội nghị toàn quốc đã quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay Nhật trước khi quân đồng minh vào Đông Dương

* Đây là sự Đúng đắn , tài tình .

+ Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

. Đảng đã xây dựng mặt trân Việt Minh , đã tranh thủ , đoàn kết được mọi lực lượng có thể đoàn kết , để phục vụ cho mục tiêu số 1 là giải phóng dân tộc .

. Đảng đã xây dựng được lực lượng vũ trang từ khởi nghĩa Bắc Sơn đã phát triển thành cứu quốc quân , và phát triển lên Việt Nam Tuyên Truyền Giải Phóng Quân . Đây là luwucj lượng vũ trang hùng hậu cho cách mạng tháng 8 .

. Đảng có 1 lực lượng chính trị vô cùng hùng hậu cho mặt trận Việt Minh

. Đảng đã xây dựng được đội ngũ có 5000 Đảng viên có phẩm chất đạo đức tốt , năng lực lãnh đạo tốt , đoàn kết toàn dân lãnh đạo Cách mạng dẫn đến thành công .

+ Đảng đánh giá đúng tình hình và biết chớp thời cơ :

. Khi tình hình thay đổi , chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc Nhật đầu hàng quân đồng minh , trong nước chính quyền và quân đội hoang mang đến tột độ thì ngày 13/8/1945 , Hội nghị toàn quốc của Đảng đã họp ở Tân Trào nắm bắt thời cơ quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay Nhật trước khi quân đồng minh đến . Ngay đêm hôm đó khởi nghĩa dành chính quyền thắng lợi và ít đổ máu

* Đảng nắm bắt thời cơ rất kịp thời với tinh thần có đốt cả dãy Trường Sơn vẫn cương quyết đấu tranh giải phóng dân tộc .

+ Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước nồng nàn :

. Năm 8/1945 khi Đảng phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước thì Toàn dân , toàn quân cả nước đều tham gia để giành lại chính quyền . Nhân dân luôn tin tưởng vào chính Đảng : khi có các chính sách hay nghị quyết thì đều thực hiệntheo

**Ý Nghĩa**

* Cách mạng tháng Tám thành công đã lật đổ chế độ phong kiến , quân Nhật đặc biệt là kết thúc hơn 80 năm dưới ách đô hộ của thực dân , phát xít . Lật đổ được ách thống trị đó đã mở ra kỉ nguyên mới , kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội , đem lại sự tự do , hạnh phúc cho nhân dân . Từ đó mà Đảng từ hoạt động bí mật chuyển sang chính Đảng hoạt động công khai
* Việc đánh đổ chế độ cũ để xây dựng chế độ mới đã mang lại cho nhân dân 1 cuộc sống ấm no , tự do , hạnh phúc .
* Đối với thế giới : Góp phần cổ vũ cho Lào , Campuchia , Đông Nam Á và các nước thuộc địa , nửa thuộc địa . 1 lần nữa khẳng định ,làm sáng tỏ kho tàng lí luận Mác – LeNin rằng cách mạng giải phóng dân tộc có thể giành thắng lợi ở các nước thuộc địa trước chính quốc .
* Góp Phần làm suy yếu , suy sụp chế độ cũ , suy yếu chủ nghĩa đế quốc .
* Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng là đúng đắn với những đường lỗi ô cùng sáng tạo , linh hoạt , đúng đắn và sáng suốt.
* **Kinh nghiệm :**

*Thứ nhất, về chỉ đạo chiến lược*, phải giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất. Trong cách mạng thuộc địa, phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, còn nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cần tạm gác lại, rải ra thực hiện từng bước thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc.

*Thứ hai, về xây dựng lực lượng*: Trên cơ sở khối liên minh công nông, cần khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Việt Minh là một điển hình thành công của Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng, đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

*Thứ ba, về phương pháp cách mạng*: Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của quần chúng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, tiến lên chớp đúng thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị.

*Thứ tư, về xây dựng Đảng*: Phải xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và dân tộc; vận dụng và phát triển lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đề ra đường lối chính trị đúng đắn, một đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, liên hệ chặt chẽ với quần chúng.

**CHỮA BÀI TẬP CHƯƠNG 2**

**Vấn Đề 1: Làm rõ hoàn cảnh lịch sử,nội dung và ý nghĩa đường lối kháng chiến chống pháp**

**của Đảng năng 1946-1954?những thắng lợi quân sự tiêu biểu 1946-1954**

I Hoàn cảnh lịch sử

**1.**Thuận lợi và khóa khăn của Việt Nam sau Cách Mạng T8:

- Việt Nam có những **thuận lợi** như:Đất nước giành được độc lập,nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa mới ra đời,nhân dân từ nô lệ trở thành người làm chủ đất nước.

- Nước ta đối mặt với vô vàn **khó khăn:** giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm đã đưa vận mệnh dân tộc trở nên ngàn cân treo sợi tóc.

- Thực hiện chủ trương đúng đắn của Đảng và Bác đã đưa đất nước ta thoát khỏi tình thế hiểm nghèo.

**2.**Nhân nhượng của nước ta với Pháp:

- Đối với Pháp ta đã **nhân nhượng** khi kí hiệp định 6/3, tạm ước 14/9, đàm phán với Pháp tại Hội nghị trù bị Đà Lạt, Hội nghị Phôngtenơblô, nhưng thực dân Pháp ngày càng bộ lộ dã tâm muốn cướp nước ta một lần nữa.

**3.**Dã tâm của Pháp đã thực hiện bằng **những hành động:**

- 11/1946, Pháp cho quân đổ bộ chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng…

- 12/1946, Pháp ngang nhiên chiếm Bộ Tài Chính, Bộ Giao thông công chính, ngang nhiên bắn chết bộ đội, công an của ta.

- Đặc biệt, 17-18/12/1946, Pháp gây ra vụ tàn sát đẫm máu ở phố Yên Ninh-Hàng Bún, Hà Nội làm hàng tram đồng bào vô tội bị giết.

- 20 giờ ngày 18/12/1946, đại diện của Pháp đã gửi tối hậu thư cho chính phủ ta, yêu cầu phải giải tán lực lượng vũ trang và trao quyền kiểm soát Hà Nội cho chúng.

**4. Như vậy**, chúng ta càng nhân nhượng thì thực dân Pháp càng lấn tới. Dân tộc Việt Nam đứng trước **hai sự lựa chọn**, một là tự do; hai là, quay trở lại cuộc đời nô lệ.

- Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời **kêu gọi toàn quốc kháng** **chiến,** khẳng định quyết tâm sắt đá của nhân dân ta quyết kháng chiến đến cùng để bảo vệ nền độc lập, tự do.

=> Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

**II. Nội dung đường lối kháng chiến của Đảng**

**A/ *Thể hiện qua các văn kiện*:**

+ Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Trung ương Đảng 12/1946

+ Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch HCM ngày 19/12/1946

+ Phân tích trong tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của tổng bí thư Trường Chinh (3/1947)

+ Hoàn thiện tại văn kiện Đại hội 2 của Đảng ( 2/1951)

**B/ *Nội dung cơ bản*:**

**1 Mục đích của kháng chiến chống Pháp**

Kháng chiến chống Pháp nhằm:

* Giành thống nhất và độc lập.
* Đánh phản động Thực dân Pháp xâm lược .
* Bảo vệ thành quả của cách mạng tháng 8.
* Mang lại hạnh phúc tự do cho nhân dân bảo vệ thành quả của cách mạng tháng 8.
* Góp phần bảo vệ hòa bình khu vực và thế giới.

***2 .* Tính chất của cuộc kháng chiến*:***

***a) Tính chất GPDT****:* cuộc kháng chiến chống Pháp là kế tục sự nghiệp cách mạng Tháng Tám, nhằm giải phóng dân tộc Việt Nam ra khỏi ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai nên cuộc kháng chiến mang tính chất giải phóng dân tộc.

**b) *Dân chủ mới****:*

* Thêm một nhiệm vụ đó là xây dựng*,* củng cố chế độ dân chủ cộng hòa.
* Tiếp tục thực hiện chính sách ruộng đất đối với nông dân, trên nền tảng chế độ dân chủ nhân dân, vì vậy mang tính chất dân chủ mới.

**3 Đường lối kháng chiến :**

Là tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính.

**a) *Kháng chiến toàn dân:***

- *Lý luận* : Mác Lênin khẳng định: cách mạng phải là sự nghiệp của toàn dân, cách mạng mà lôi kéo được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia sẽ giành được thắng lợi. HCM cũng khẳng định: Dễ mười lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong. Như vậy, dân là gốc của thắng lợi.

- *Thực tiễn* : Hàng ngàn năm chống giặc ngoại xâm cua VN đã chứng minh 1 chân lý rằng : “Chờ thyền là dân , lật thuyền mới biết sức dân như nước ” Nghĩa là , Bất cứ cuộc chiến tranh nào mà đoàn kết được toàn dân sẽ giành được thắng lợi.

- *Từ lý luận và thực tiến* trên, Đảng chủ trương: Huy động toàn dân đánh giặc với bất kỳ mọi phương tiện vũ khí nào có trong tay .Mỗi người dân là 1 chiến sĩ , mỗi làng xóm là 1 pháo đài , đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược

- *Mục đích*: Kháng chiến toàn dân nhằm huy động nhân lực, vật lực, tài lực, trí lực, tạo nên sức mạnh dân tộc, góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

***b) Kháng chiến toàn diện:***

- *Nguyên nhân*: Xuất phát từ viêc Pháp âm mưu xâm lược và thống trị Việt Nam trên mọi lĩnh vực, nên để đánh Pháp thắng lợi, phải đánh Pháp trên tất cả các mặt trận.

*- Phân tích trên moi lĩnh vực:*

Kháng chiến toàn diện là kháng chiến trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, ngoại giao:

* **Chính trị**: Xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh, đoàn kết chính quyền, quân đội và nhân dân, liên minh ba nước Đông Dương đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.
* **Kinh tế**: Xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc; phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công nghiệp quốc phòng; phát động phong trào “Tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm
* **Văn hóa**: xóa bỏ nền văn hóa nô dịch ngu dân của Pháp, xây dựng nền văn hóa mới với ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng.
* **Quân sự**: Thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ). Thực hiện du kích chiến, tiến lên chiến tranh chính quy nhằm tiêu diệt địch, giải phóng nhân dân và đất đai. Vừa đánh vừa bồi dưỡng, xây dựng lực lượng…
* **Ngoại giao**: Thực hiện “thêm bạn bớt thù”, đoàn kết với tất cả các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới, với các nước XHCN anh em, với nhân dân tiến bộ Pháp… kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

*- Mục đích* : Kháng chiến toàn diện nhằm huy động sức mạnh tổng hợp góp phần đưa cuôc kháng chiến đến thắng lợi.

***c) Kháng chiến lâu dài:***

- Nguyên nhân:

* NN1 : Xuất phát từ tương quan so sánh *tương quan lực lượng* của ta và địch *quá chênh lệch.*

*+* Pháp:mạnh hơn ta rất nhiều,mạnh về kinh tế và quân sự,đó là một quân đội nhà nghề ,có trang bị vũ khí hiện đại, lại có sự hậu thuẫn của các nước đế quốc

+ Ta : kinh tế nghèo nàn,lực lượng vũ khí thô sơ,yếu.

* NN2: Âm mưu của Pháp là “đánh nhanh thắng nhanh” để kết thúc chiến tranh. *Còn Việt Nam, quân đội mới được thành lập, còn non trẻ, vũ khí thô sơ*.
* Kết luận: Vì vậy, Đảng phải chủ trương tiến hành kháng chiến lâu dài.

- Mục đích :

Kháng chiến lâu dài nhằm :

+ Từng bước làm thay đổi tương quan so sánh lưc lượng có lợi cho ta, biến yếu thành mạnh.

+ Phát huy thiên thời địa lợi nhân hòa tiêu diêt địch.

+ Nguyên tắc là lâu dài nhưng nếu thời cơ đến sẽ mở các cuộc tiến công để kết thúc chiến tranh.

+ Khẩu hiệu là “Trường kỳ, kháng chiến, nhất định, thắng lợi”.

***d)******Dựa vào sức mình là chính:***

- Nguyên nhân : VN tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp trong điều kiện bị bao vây từ bốn phía, vì vậy Đảng chủ trương dựa vào sức mình là chính.

- giải thích nội hàm : *Dựa vào sức mình là chính* nghĩa là tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài, nhưng không trông chờ ỷ lại vào bên ngoài.

- mục đích: Dựa vào sức mình là chính nhằm chủ động huy động sức người, sức của lâu dài cho cuộc kháng chiến, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, nhân dân tiến bộ Pháp, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

**III. Ý nghĩa đường lối kháng chiến chống Pháp**

- Cuộc kháng chiến của Đảng là sự kế thừa, nâng lên tầm cao mới tư tưởng quân sự truyền thống của cha ông ta, là sự vận dụng lý  luận chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin và kinh nghiệm quân sự một số nước anh em.

-  Đường lối kháng chiến của Đảng là đường lối đúng đắn,tài tình đấu tranh nhân dân,toàn dân chống gặc.

- Là nhân tố đưa các cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

**\* Những thắng lợi quân sự tiêu biểu 1946-1954**

Việt Bắc thu đông 1947 , biên giới thu đông 1950 , điện biên phủ 1954

Đại hội 2 của Đảng : 2-1951 tại Tuyên Quang , Thắng lợi hòa bình 1951

Tây Bắc : 1952

**Vấn đề 2. làm rõ nội dung đại hội III của Đảng (9/1960) - những thắng lợi của CM hai miền 1954-1975.**

**\* Nội dung đại hội III của Đảng (9/1960)**

**\* Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng (9/1960)**

***- Bối cảnh lịch sử:***

**Thế giới**

Từ năm 1960 trở đi, do tình hình quốc tế có những biến động phức tạp, mâu thuẫn Xô - Trung ngày càng căng thẳng. Trong phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế, giữa các nước XHCN đang có những mâu thuẫn, bất đồng sâu sắc. Sự kiện đó đã tác động không tốt đến sự đoàn kết nhất trí trong phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế, trong hệ thống CNXH, tạo điều kiện cho CNĐQ phá hoại phong trào cách mạng thế giới, ảnh hưởng tiêu cực đến cách mạng nước ta. Trong bối cảnh phúc tạp, Đảng với đường lối đối ngoại khéo léo, thận trọng và linh hoạt, nhằm tránh gây căng thẳng giữa Liên Xô, Trung Quốc, củng cố tình đoàn kết trong các nước XHCN, thu hẹp những bất đồng giữa các nước anh em, tiếp tục tranh thủ được sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Những năm 1959-1960, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á, châu Phi, Châu Mỹ la tinh phát triển mạnh mẽ. Năm 1960 đã có 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập và đây là năm đi vào lịch sử với tên gọi “Năm châu Phi”. Bằng việc công nhận nền độc lập của hàng loạt các nước Á, Phi, Mỹ latinh, các nước đế quốc phương Tây bắt buộc phải thừa nhận sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới. Nhìn chung, thời kỳ này cách mạng thế giới đang ở thế tiến công. Đó là nhân tố quốc tế hết sức thuận lợi đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, một số nước khi giành được độc lập lại có những khuynh hướng chính trị - xã hội khác, thậm chí nhiều nước, giới cầm quyền vẫn tiếp tục đi theo con đường cai trị của thực dân phương Tây, không ủng hộ Việt Nam chống Mỹ. Trước thực tiễn đó, ĐCSVN vừa ủng hộ chính sách hoà bình trung lập để tập hợp lực lượng tiến bộ thế giới, vừa phải lôi kéo, vận động, tranh thủ các lực lượng khác nhau cho cuộc đấu tranh của dân tộc mình. Chính sách tăng cường đoàn kết với các nước Á - Phi đấu tranh vì độc lập dân tộc của Đảng đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhiều nước, dẫn đến sự ủng hộ quốc tế rộng lớn đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Đối với Lào và Campuchia, Đảng chủ trương không ngừng tăng cường hợp tác hữu nghị, xây dựng liên minh chiến đấu và giúp đỡ các nước bạn trên tinh thần quốc tế trong sáng. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đặc biệt từ năm 1960 trở đi, miền Bắc không chỉ là hậu phương chiến lược của cách mạng miền Nam mà còn là hậu phương của cách mạng Lào và Campuchia. Trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân ta luôn nhận được sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân hai nước Đông Dương anh em.

**Trong nước**

Sau khi đất nước bị chia cắt, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Bắc đã giành được những thắng lợi căn bản trong công cuộc cải cách ruộng đất, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; khôi phục kinh tế; cải tạo XHCN và bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá, từng bước đưa miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ xây dựng CNXH nhằm củng cố miền Bắc vững mạnh để chi viện cho miền Nam. Trong khi đó ở miền Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Nam đã đánh bại hoàn toàn chiến lược chiến tranh đơn phương của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai., đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

***- Nội dung Đại hội III của Đảng***

Tháng 9- 1960, Đại hội lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong diễn văn khai mạc, Hồ Chí Minh khẳng định: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”.

Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua Nghị quyết về Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, thông qua Báo cáo về xây dựng Đảng và báo cáo về Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

*+ Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam*, trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là phải thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền:

Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

*+ Về mục tiêu chiến lược chung*, Đại hội cho rằng, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

+ *Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền*, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên *giữ vai trò quyết định nhất* đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam *giữ vai trò quyết định trực tiếp* đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

+ *Về hòa bình thống nhất Tổ quốc*, Đại hội chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

+ *Về triển vọng của cách mạng*, Đại hội nhận định cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước ta. Đó là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà.

*+ Về xây dựng chủ nghĩa xã hội*

Xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội về kinh tế được xem là hai mặt của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất, hai mặt này có quan hệ mật thiết, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. *Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa* được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta nhằm xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Cùng với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, phải tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm thay đổi cơ bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hóa của toàn xã hội phù hợp với chế độ xã hội mới xã hội chủ nghĩa.

Từ những luận điểm đó, Đại hội đã đề ra *đường lối chung* trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta là*:* Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù của nhân dân ta và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Để thực hiện mục tiêu nói trên, phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh; thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiến phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật, biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiến tiến.

Hạn chế trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đại hội khóa III là nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn giản đơn, chưa có dự kiến về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thành công lớn nhất của Đại hội lần thứ III của Đảng là đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc. Đó chính là *đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, vừa phù hợp với miền Bắc vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước Việt Nam vừa phù hợp với tình hình quốc tế, nên đã phát huy và kết hợp được sức mạnh của hậu phương và tiền tuyến, sức mạnh cả nước và sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, tranh thủ được sự đồng tình giúp đỡ của cả Liên Xô và Trung Quốc, do đó tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dân tộc ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đặt trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế lúc đó, đường lối chung của Đảng còn là sự thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng ta trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế thời đại.

**\***

Tháng 9- 1960, Đại hội lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong diễn văn khai mạc, Hồ Chí Minh khẳng định: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”.

Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua Nghị quyết về Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, thông qua Báo cáo về xây dựng Đảng và báo cáo về Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Nhiệm vụ:

– Miền Bắc tiến hành Cách mạng CM xã hội chủ nghĩa

=>Có vai trò quyết định nhất đối vs sự phát triển cách mạng cả nước , đề ra đường lối chung của cả thời kì quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (CMVN) ở miền Bắc

-Miền Nam đẩy mạnh cách mạng dân chủ nhân dân ,thực hiện thống nhất nước nhà

=> Có vai trò quyết định trực tiếp đối vs sự nghiệp giải phóng miền Nam.

⇒ Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh sáng mới của toàn Đảng ,toàn dân xây dựng thắng lợi (CMVN) ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam ,thống nhất nước nhà

***+ Mối quan hệ của cách mạng hai miền:***

Hai chiến lược cách mạng thực hiện ở hai miền nhưng có mối quan hệ mật thiết, tác động thức đẩy lẫn nhau cùng phát triển và đều hướng vào mục tiêu chung trước mắt là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

**+ *Về hòa bình thống nhất Tổ quốc***:

Đại hội chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

**+ *Về triển vọng của cách mạng***

Đại hội nhận định cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước ta. Đó là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà.

***+ Về xây dựng chủ nghĩa xã hội***

Xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

***Đề tài: Trình bày thành tựu cách mạng 2 miền trong 1 giai đoạn lịch sử cụ thể trong cuộc kháng chiến chống mỹ, cứu nước nhằm làm rõ mối quan hệ của cách mạng 2 miền hướng tới mục tiêu chung cuối cùng là giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.***

***Có 2 phần:***

***+ thành tựu cách mạng 2 miền trong 1 giai đoạn lịch sử cụ thể trong cuộc kháng chiến chống mỹ, cứu nước***

***+ làm rõ mối quan hệ của cách mạng 2 miền hướng tới mục tiêu chung cuối cùng là giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.***

***I, Thành tựu cách mạng 2 miền trong giai đoạn Lãnh đạo miền Bắc xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện miền Nam (1965-1968)***

* **Hoàn cảnh lịch sử:**

Sau khi mỹ thất bại nặng nề trong chiến lược chiến tranh đặc biệt ở miền nam thì 1 mặt mỹ đã đưa lính mỹ và quân chư hầu vào miền nam để thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ tiếp tục bình định ở miền nam. Mặt khác mỹ mở cuộc chiến tranh leo thang đánh phá ra MB bằng không quân và hải quân nhằm phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở MB nhằm ngăn chặn chi viện giưa MB với MN nhằm làm lung lay quyết tâm chống mỹ của dân tộc ta. Và từ nửa nước có chiến tranh thì năm 65 là cả nước có chiến tranh.

* **Chủ trương của đảng**

Được thể hiện ở nghị quyết 11,12 1965.

+ nghị quyết khẳng định quyết tâm chống mỹ của dân tộc ta”chông mỹ cứu nước trở thành nhiệm vụ thiêng liêng của cả dtộc vn từ nam chí bắc”

+ nhiệm vụ của MB: chuyển mọi hoạt động kte chính trị văn hóa quốc phòng an ninh từ thời bình sang thời chiến vừa sản xuất vừa chiến đấu vừa là tiền tuyến vừa là hậu phương.

+ đối với MN: tiếp tục giữ vững thế tiến công liên tục tiến công vận dụng 3 mũi giáp công 3 vùng chiến lược tiếp tục làm phá sản chiến tranh của đế quốc mỹ để giải phòng MN thống nhất đất nước và non sông thu về 1 mối

* **Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng vn**

+ miền bắc

Được giải phóng, hoàn thành cuộc cm dtộc dân chủ nhân dân.Đảng xác định nhiệm vụ cho miền bắc là thực hiện cm XHCN để xây dựng MB thành căn cứ địa thành hậu phương lớn cho cm cả nước

+ miền nam

Giữa ách thống trị của đế quốc mỹ và tay sai. Đảng xác định nhiệm vụ cho MN là tiếp tục cuộc Cm dân tộc dân chủ nhân dân giải phóng MN khỏi ách thống trị của đế quốc mỹ và tay sai để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đưa cả nước tiến tới hòa bình thống nhất tổ quốc

* **Vị trí vai trò của cm 2 miền: 2 chiến lược cm giải quyết yêu cầu cụ thể của từng miền nhưng có vị trí vai trò**
* **Thành tựu MB:**

Xây dựng tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam trên bộ và trên biển, nối liền hậu phương với tiền tuyến.

Đã xây dựng CNXH trong điều kiện có chiến tranh phát triển kte củng cố quốc phòng an ninh để đảm bảo đời sống của nhân dân mB

Hoàn thành xuất sắc vai trò là hậu phương lớn đối với tiền tuyến mN là căn cứ địa cách mạng cả nước đã chi viện sức người sức của cho Mn để Mn đánh Mỹ

Đánh bại cuộc chiến tranh leo thang lần thứ nhất của đế quốc mỹ ra mB lần 1 bảo vệ vững chắc MB.

* **Thành tựu MN:**

Nhân dân Mn đã kết hợp đấu tranh chính trị với quân sự 3 mũi giáp công 3 vùng chiến lược làm phá sản hoàn toàn 2 gọng kìm tìm diệt và bình định trong chiến tranh cục bộ của mỹ ngụy. Trước tình hình như vậy bộ chính trị quyết định mở chiến dịch tết mậu thân 1968 với phát huy yếu tố bất ngờ để đánh 1 đòn chí mạng vào ý chí xâm lược của đế quốc mỹ và với chiến dịch tết mậu thân buộc mỹ tuyên bố ngừng ném bom vô điều kiện mB và chấp nhận đàm phán với ta ở hội nghị pari từ năm 69.

***II, Làm rõ mối quan hệ của cách mạng 2 miền hướng tới mục tiêu chung cuối cùng là giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.***

* Thắng lợi ở miền bắc đã góp phần vào hỗ trợ thắng lợi ở miền Nam và ngược lại thắng lợi của miền Nam góp phần bảo vệ được miền Bắc để hướng tới mục tiêu chung cuối cùng là giải phóng miền Nam thống nhất đất nước và non sông thu về 1 mối.

**CHỮA BÀI TẬP CHƯƠNG 3**

**Vấn đề 1 : Tìm hiểu những nghị quyết quan trọng của Đảng 1976-1986? Chú ý về thời gian , kinh nghiệm gì**

**-** Triển khai thực hiện Nghị quyết **Đại hội IV**, Ban Chấp hành Trung ương đã có nhiều hội nghị chuyên bàn về kinh tế, trong đó tập trung chủ yếu vào chỉ đạo phát triển nông nghiệp, giải quyết vấn đề lương thực. Hội nghị lần thứ 2 (7-1977) bàn về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Hội nghị lần thứ 3 (12-1977) bàn về kế hoạch kinh tế năm 1978, về khắc phục sự trì trệ trong sản xuất và quản lý kinh tế. Hội nghị lần thứ 5 (12-1978) đề ra ba nhiệm vụ lớn của năm 1979 là ổn định và đảm bảo đời sống, bảo đảm an ninh, bảo vệ Tổ quốc; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt; đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển cho những năm sau.

- ***Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá IV (8-1979)*** Bàn về những vấn đề kinh tế-xã hội cấp bách có liên quan đến đường lối và chính sách kinh tế-xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

+ Hội nghị đã quyết định những chủ trương và giải pháp mới, mạnh dạn và sáng tạo, sát hợp với yêu cầu cấp bách của đời sống kinh tế.

+ Hội nghị xác định phải coi nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là *động viên cao độ và tổ chức toàn dân đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp* nhằm đảm bảo lương thực, thực phẩm, cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu.

+ *Về cải tạo xã hội chủ nghĩa*

. Hội nghị cho rằng: phải tận dụng các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể để phát triển sản xuất; phải tuỳ từng ngành nghề, từng mặt hàng và xuất phát từ hiệu quả kinh tế mà vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức sản xuất cho thích hợp .

. Đối với công nghiệp tư bản chủ nghĩa ở miền Nam, phải uốn nắn những nhận thức lệch lạc, thực hiện đúng chủ trương của Đảng về sự tồn tại các thành phần kinh tế để tận dụng mọi khả năng lao động, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý nhằm phát triển sản xuất.

. Đối với công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, Hội nghị xác định: phải nắm vững phương châm *tích cực và vững chắc*, hiện nay phải nhấn mạnh vững chắc; chống tư tưởng nóng vội, chủ quan, cưỡng ép, mệnh lệnh, làm ồ ạt gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống nhân dân

+ Tháng 10-1979, Hội đồng Chính phủ công bố quyết định xóa bỏ những trạm kiểm soát ngăn sông cấm chợ. Người sản xuất có quyền đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường không phải nộp thuế sau khi làm đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

+ Trước hiện tượng “khoán chui” ở một số các hợp tác xã nông nghiệp của các tỉnh, ngày 22-6-1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 22, cho phép các địa phương mở rộng thí điểm khoán sản phẩm và khoán việc đối với cây lúa trong các hợp tác xã nông nghiệp.

* ***Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100/CT-TW về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp***

+ Theo tinh thần của Chỉ thị này, mỗi xã viên nhận mức khoán trên một diện tích nhất định và tự mình làm 3 khâu, cày cấy, chăm sóc và thu hoạch, còn những khâu khác do hợp tác xã đảm nhiệm. Nếu thu hoạch vượt mức khoán thì xã viên được hưởng. Phương hướng chủ yếu trong cải tiến khoán là khuyến khích lợi ích chính đáng của người lao động làm cho mọi người tham gia các khâu trong quá trình sản xuất và quản lý hợp tác xã đều gắn với sản phẩm cuối cùng.

* ***Chính phủ đã ban hành Quyết định 25-CP về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh*.** Quyết định nêu rõ: Cần lấy kế hoạch làm chính, đồng thời sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá, thị trường, kinh doanh có lãi; cho phép các xí nghiệp quốc doanh có nhiều nguồn cân đối và kế hoạch ba phần (phần Nhà nước giao, phần tự làm, phần sản xuất phụ).
* ***Cùng ngày 21-1-1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 26-CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước.*** Những chủ trương chính sách nêu trên giúp cơ sở tự giải quyết một phần khó khăn, góp phần thực hiện kế hoạch Nhà nước. Năm 1981, lần đầu tiên sau chiến tranh sản xuất công nghiệp đạt kế hoạch, riêng công nghiệp địa phương vượt kế hoạch 7,5%.
* , Bộ Chính trị ra **Nghị quyết 26/NQ-TW** về cải tiến công tác phân phối, lưu thông. Đây là lĩnh vực rất nóng bỏng trong đời sống kinh tế-xã hội ở nước ta thời đó. Nghị quyết đã đề ra mục tiêu, biện pháp và các bước cụ thể của việc cải tiến công tác phân phối lưu thông
* **Đại hội lần thứ V :**

*+ Thứ nhất, Đại hội đưa ra quan niệm mới về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.*

*+ Thứ hai, Đại hội xác định cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới có hai nhiệm vụ chiến lược:* xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*+ Thứ ba, Đại hội đã có những điều chỉnh về nội dung, bước đị và cách thức tiến hành của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên.*

+ *Thứ tư*, Đại hội vạch ra nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm là phát triển thêm một bước, sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo XHCN nền kinh tế quốc dân. Ba mặt đó kết hợp chặt chẽ với nhau, nhằm đáp ứng nhu cầu bức thiết nhất của đời sống nhân, giảm nhẹ sự mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế, khắc phục một bước quan trọng về phân phối lưu thông, ổn định tình hình kinh tế xã hội.

***- Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985***) bàn về vấn đề giá, lương, tiền. *Đây là bước đột phá thứ hai* của Đảng trong quá trình tìm tòi, đổi mới.

*+* Hội nghị chủ trương dứt khoát xóa bỏ cơ chế bao cấp, thực hiện cơ chế một giá, chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, thừa nhận quy luật của sản xuất hàng hóa. Đề cập ba nội dung quan trọng của cái cách: Giá cả, tiền lương, tiền tệ (giá – lương - tiền).

*+* Tuy nhiên, tổng điều chỉnh giá- lương – tiền thất bại; lạm phát tăng vọt; kinh tế vĩ mô bất ổn. Đánh giá cuộc cải cách giá, lương, tiền của nghị quyết Trung ương 8, Hội nghị lần thứ 9, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương cho rằng: sự đúng đắn của chủ trương bù giá, thực hiện chính sách bán lẻ theo một giá là cần thiết phù hợp với quy luật của sản xuất hàng hoá. Nhưng tổ chức thực hiện lại mắc những sai lầm, như vội vàng đổi tiền và tổng điều chỉnh giá, lương trong tình hình chưa chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt. Hậu quả lớn nhất của cuộc điều chỉnh giá, tiền, lương, lần này đã làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng sâu sắc hơn.

**- Thêm Hội nghị Trung ương 9 khoá V** (12-1985) bàn về kế hoạch nhà nước năm 1986. Hội nghị nhận định: Sau các Nghị quyết 6, 7, 8 của Ban Chấp hành Trung ương, nền kinh tế đạt được một số tiến bộ. Song nền kinh tế nước ta vẫn đứng trước những khó khăn gay gắt. Hội nghị chỉ rõ, nguyên nhân sâu sa của tình hình trên là do nhận thức của Đảng về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn chưa rõ.

- Thêm **Hội nghị Trung ương 10 khoá V** (tháng 5-1986) đã phân tích những khuyết điểm, sai lầm trong việc chỉ đạo công tác giá, lương, tiền; khẳng định quyết tâm chiến lược xoá bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

- **Hội nghị Bộ Chính trị tháng 8-19**86 đưa ra bản “*Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế*”. Đây là *bước đột phá thứ ba,*đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới

+ *Về cơ cấu sản xuất*

Hội nghị phân tích nguyên nhân: do chúng ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chủ trương quá lớn về quy mô, quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất. Đây là một *nguyên nhân quan trọng* khiến cho sản xuất trong 5 năm gần đây như dậm chân tại chỗ, năng suất lao động giảm, chi phí sản xuất không ngừng tăng lên, tình hình kinh tế xã hội ngày càng không ổn định

+ *+ Về cải tạo xã hội chủ nghĩa*

Hội nghị cho rằng, do chưa nắm vững quy luật đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nên chúng ta đã phạm nhiều khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy, phải biết lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp trên quy mô cả nước cũng như từng vùng, từng lĩnh vực, phải đi qua những bước trung gian, quá độ từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến trung bình, rồi tiến lên quy mô lớn; phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là *nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần*, đó là sự cần thiết khách quan để phát triển lực lượng sản xuất, tận dụng các tiềm năng, tạo thêm việc làm cho người lao động, phải sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế; cải tạo XHCN không chỉ là sự thay đổi chế độ sở hữu, mà còn thay đổi cả chế độ quản lý, chế độ phân phối, đó là một quá trình gắn liền với mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất, vì vậy không thể làm một lần hay trong một thời gian ngắn là xong.

+ *Về cơ chế quản lý kinh tế*

Hội nghị cho rằng, bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, làm cho hai mặt ăn khớp với nhau, tạo ra động lực mới thúc đẩy sản xuất phát triển.

Hội nghị nêu ra những nội dung chủ yếu của cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa là: Đổi mới kế hoạch hoá theo nguyên tắc phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời sử dụng đúng đắn các quy luật của quan hệ hàng hoá-tiền tệ; làm cho các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh; phân biệt chức năng quản lý hành chính của Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế; phân công, phân cấp bảo đảm các quyền tập trung thống nhất của Trung ương trong những khâu then chốt, quyền chủ động của địa phương trên địa bàn lãnh thổ, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.

**Vấn đề 2:Làm rõ nội dung đường lối đổi mới toàn diện của Đảng ở Đại hội VI (1986) , Vì sao Đảng lại lấy đổi mới nền kinh tế làm trọng tâm ?**

**A/ Hoàn cảnh lịch sử:**

**1 Thế giới**

- Từ giữa thập kỷ 80 của thế kỉ XX, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật (đặc biệt là công nghệ thông tin) phát triển như vũ bão,thúc đẩy nhanh xu hướng toàn cầu hóa, tác động sâu sắc đến toàn bộ thế giới,tác động mọi mặt đời sống của các quốc gia dân tộc. Các nước phát triển tận dụng thành tựu của khoa học công nghệ để phát triển kinh tế và thúc đẩy xu hướng toàn cầu hóa .Các nước lớn chuyển từ đối đầu sang đối thoại ,vừa hợp tác vừa đấu tranh.

- Tác động của khoa học công nghệ làm cho mô hình quan liêu bao cấp của XHCN bộc lộ khuyết tật.Và trước bối cảnh quốc tế như vậy các nước XHCN như Đông Âu,Liên xô,Trung Quốc đều tiến hành cải tổ ,cải cách ,đổi mới nhưng lâm vào khủng hoảng sâu sắc và lần lượt sụp đổ.Trật tự thế giới hai cực chấm dứt,Trật tự thế giới đa cực được hình thành.

- Các thế lực thù địch đề mạnh thực hiện “diễn biến hòa bình”, nhằm xuyên tạc, tuyền truyền, phủ nhận chủ nghĩa Mác – Lênin, CNXH xóa bỏ vai trò của Đảng cộng sản trong đó có Việt Nam.

1. ***Trong nước***

- Việt Nam: 10 năm xây dựng CNXH thì VN bước đầu đã đạt những kết quả quan trọng như hàn gắn chiến tranh khôi phục kinh tế và giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh bảo về tổ quốc .Tuy nhiên nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu,sản xuất nhỏ phổ biến,năng suất thấp , lao động phổ thông

- Hậu quả chiến tranh thiên tai hết sức nặng nề,hậu quả của 30 nhiều năm chiến tranh chống Pháp và Mý chưa khắc phục được.chúng ta phải gánh chịu hậu quả của 2 cuộc chiến tranh biên giới phía tây nam và phía bắc rất nặng nề , chiến tranh liên miên đặc biệt là vấn đề biển đông đối đầu với trung quốc .

- Do lãnh đạo quản lý nền kinh tế yếu kém của Đảng ,nhà nước đặc biệt là cuộc cải cách giá, lương, tiền làm cho kinh tế xã hội khủng hoảng trầm trọng, lạm phat tăng 774%, đời sống nhân dân thì khó khăn, lòng tin của nhân dân đối với Đảng thì giảm sút. Tình trạng tham nhũng, lãng phí tràn lan vv…

- Các thế lực thù địch thực hiện “diễn biến hòa bình”, nhằm xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; lợi dụng những chiêu bài dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá chế độ chính trị ở nước ta

-> Đảng khẳng định: phải nhìn thẳng vào sự thật, phải nói rõ sự thật, phải đánh giá đúng tình hình, phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế.

**B/ Nội dung đường lối đổi mới**

họp tại Hà Nội (12-1986), thông qua các văn kiện chính trị quan trọng và bầu Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư Đảng. (hơn 2 triệu Đảng viên)

Đảng nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm trong thời kỳ 1975-1986. Đại hội đã rút ra 4 bài học kinh nghiệm:

*+ Một là,* trong toàn bộ hoạt động của mình Đảng phải quán triệt tư tưởng: “lấy dân làm gốc”, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

*+ Hai là,* Đảng phải xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

*+ Ba là,* kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

+ *Bốn là,* xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng XHCN.

**1. Đổi mới về nhận thức về thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta:** *3 vấn đề*

- Thời gian : Đại hội khẳng định con đường đi lên CNXH ở VN là cả một chặng đường lịch sử tương đối lâu dài, phải trải qua thời kỳ quá độ; trong thời kỳ quá độ sẽ có những bước dài ngắn khác nhau không thể nóng vội,không thể đốt cháy giai đoạn.Và chúng ta đang ở những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh CNHXHCN trong chặng đường tiếp theo.

- Mục tiêu cụ thể trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là:

+ Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy.

+ Bước đầu tạo ra một cơ cấu hợp lý nhằm phát triển sản xuất.

+ Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

+ Tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội.

+ Đảm bảo nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

**2. Đổi mới về kinh tế:**

* **Đổi mới về kinh tế**
* **Về cơ cấu kinh tế**

+ Bố trí cơ cấu kinh tế hợp lý: nông nghiệp - công nghiệp và dịch vụ.

*=>Như vậy Đại Hội VI đã nhìn ra thế mạnh của Việt Nam là nền kinh tế nông nghiệp và coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu .*

+ Để nông nghiệp trở thành mặt trận hàng đầu , Đại Hội VI đã đề ra biện pháp là phải tập trung thực hiện 3 chương trình mục tiêu: lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu

*=>Coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hóa ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.*

- **Về cải tạo xã hội chủ nghĩa**

+ Đẩy mạnh cải tạo XHCN là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH, với những hình thức và bước đi thích hợp, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

* Trước đổi mới Đảng đã xây dựng quan hệ sản xuất dựa trên 2 hình thức đó là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể . Nhưng quan hệ sản xuất đó không phù hợp tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất (bởi vì lực lượng sản xuất lúc đó có trình độ thấp, lạc hậu , thủ công và năng suất thấp ) từ đó đã kìm hãm nền kinh tế và rơi vào khủng hoảng . Vì vậy Đại Hội VI đã nói phải có bước đi thích hợp và phải xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất .

+ Sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế, thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đại hội VI khẳng định sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ: Kinh tế quốc doanh(thuộc sở hữu toàn dân ) ; kinh tế tập thể, kinh tế gia đình (thuộc sở hữu tập thể ) ; kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước (thuộc sở hữu tư nhân ) , trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo .

* *Như vậy trước đổi mới : Cải tạo XHCN là xóa bỏ tư hữu vì Đảng cho rằng tư hữu đồng nghĩa với bóc lột .*
* *Đổi mới ở Đại Hội VI : Cải tạo XHCN thừa nhận tư hữu , vì vậy Đại Hội VI thừa nhận sự tồn tại nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu , có nhiều thành phần kinh tế . Trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo*

- **Về cơ chế quản lý kinh tế**

**+** Trước đổi mới cơ chế quản lí nền kinh tế là tập trung quan liêu bao cấp (Nhà nước thâu tóm toàn bộ nền kinh tế và quản lí bằng hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh , áp đặt từ trên xuống dưới và hình thành cơ chế xin cho ) .

* Cơ chế này đã làm trì trệ nền kinh tế , không phát triển được, đời sống nhân dân khó khăn.

+ Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở Đại Hội VI : xóa bỏ cơ chế quản lí tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh XHCN, kết hợp kế hoạch với thị trường .

* Cơ chế này đã thúc đẩy nền kinh tế phát triển

**\* Vì sao Đảng lại lấy đổi mới nền kinh tế làm trọng tâm .**

Thứ nhất: 10 năm xây dựng CNXH thì VN bước đầu đã đạt những kết quả quan trọng như hàn gắn chiến tranh khôi phục kinh tế và giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh bảo về tổ quốc .Tuy nhiên nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu,sản xuất nhỏ phổ biến,năng suất thấp

Thứ 2: Hậu quả chiến tranh thiên tai hết sức nặng nề,hậu quả của 30 năm chiến tranh chống Pháp và Mý chưa khắc phục được.chúng ta phải gánh chịu hậu quả của 2 cuộc chiến tranh biên giới phía tây nam và phía bắc rất nặng nề

Thứ 3 do lãnh đạo tài tình , đúng đắn

Thứ 4 :Tạo ra tiền để kinh tế vững chắc để tạo lòng tin với nhân dân

Thứ 5 : Thực tiến 35 năm đổi mới đã chứng minh rằng ĐH VI đưa đời sống nhân dân ra khỏi khủng hoảng dời soonh nhân dân đc cải thiện.Lồng tin được cải thiện,VN được

**3. Về chính sách xã hội:**

- Quan điểm về chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định được nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên.

- Đại hội VI chú trọng đến nhóm chính sách dân số, việc làm, công bằng xã hội, giáo dục, văn hóa, sức khỏe nhân dân, bảo trợ xã hội vv…

**4. Về đối ngoại:**

- Đại hội VI khẳng định mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên thế giới trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền và các bên cùng có lợi.

- Trong đó nhấn mạnh:

+ Tăng cường quan hệ với ba nước Đông Dương;

+ Sẵn sàng thương lượng và hợp tác với các nước ĐNA;

+ Tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước XHCN.

+ Bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc; mở rộng quan hệ hữu nghị vớ các nước phương Tây, sẵn sàng cải thiện quan hệ với Mỹ.

**5. Đổi mới Đảng:**

- Đảng phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tư duy lý luận, nhận thức đúng về chủ nghĩa xã hội và đặc trưng, quy luật, hình thức, bước đi của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác. Xây dựng Đảng ngang tầm một đảng cầm quyền lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược.

**II . Ý nghĩa của Đại hội:**

- Đại hội VI của Đảng là Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu bước ngoặt phát triển mới trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Chủ trương đổi mới toàn diện của Đảng được tập trung về đổi mới tư duy kinh tế.

- Đường lối đổi mới của Đại hội VI được triển khai đi vào cuộc sống đã từng bước đưa kinh tế - xã hội của đất nước ra khỏi khủng hoảng, đời sống nhân dân được nâng cao.

- Đại Hội VI cho thấy sự tài tình , đúng đắn , linh hoạt biết nhận ra cái sai để sửa dần và đưa đất nước ngày càng phát triển .

**Vấn đề 3: Tìm hiểu và phân tích quan điểm xây dựng và phát triển nền văn hóa VN thời kỳ đổi mới (1998- nay)? Liên hệ với bản thân sv?**

Văn hóa là một phạm trù rất rộng, nhưng chung quy có thể hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

+ Nghĩa rộng: thì văn hóa là trình độ phát triển về tinh thần và vật chất của nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định (thời kỳ đồ đá, thời kỳ đồ đồng,... [văn hóa Đông Sơn](https://vtv.vn/van-hoa-dong-son.html), văn hóa lúa nước...).

+ Nghĩa hẹp: thì văn hóa là những hoạt động tinh thần của một xã hội, gồm có những lĩnh vực: giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật, đạo đức (lối sống, cách cư xử, ứng xử giữa người với người...).

Văn hóa cũng bao gồm cả văn hóa vật thể (các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, di sản văn hóa, những sản phẩm văn hóa: Kim tự tháp, đình, chùa, miếu thờ,...) và phi vật thể (ca dao, dân ca, hò vè, lễ hội; các phong tục, tập quán của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền, mỗi dân tộc, mỗi địa phương...).

**Thêm : “ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI (NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 – KHÓA VIII -1998)**

***1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.***

**+ Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội.**

Văn hoá được cấu thành bởi một hệ các giá trị tạo nên bản sắc của mỗi dân tộc. Các giá trị này thấm nhuần trong mỗi con người và cả cộng đồng, được tiếp nối qua các thế hệ, được vật chất hoá bền vững trong cấu trúc kinh tế - xã hội. Nó tác động hàng ngày đến cuộc sống vật chất - tinh thần của mọi thành viên bằng môi trường văn hoá - xã hội

**+ Văn hoá là động lực thúc đẩy sự phát triển**

Văn hoá là kết quả của sự sáng tạo của con người thể hiện tiềm năng sáng tạo của dân tộc. Vì vậy nó là nguồn lực nội sinh cho sự phát triển của dân tộc đó.

Trong nền kinh tế tri thức thì tri thức, kỹ năng trở thành nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển

Vai trò động lực và điều tiết của văn hoá trong kinh tế thị trường

Vai trò động lực của văn hoá trong hội nhập và bảo vệ môi trường

Văn hoá có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người và xây dựng xã hội mới

**+ Văn hoá là một mục tiêu của phát triển**

Mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng văn minh” là mục tiêu văn hoá

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội xác định: *“Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người”.* Đó là chiến lược phát triển bền vững

Trong thực tế nhận thức và hành động, mục tiêu kinh tế vẫn thường lấn át mục tiêu văn hoá. Văn hoá vẫn thường bị xem là lĩnh vực đứng ngoài kinh tế. Hệ quả là kinh tế có thể tăng trưởng nhưng văn hoá bị suy giảm

**+ Văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong bồi dưỡng phát huy nhân tố con người**

- Phát triển kinh tế, xã hội cần rất nhiều nguồn lực: tài nguyên, vốn, khoa học công nghệ, thể chế… Đây là những nguồn lực có hạn và có thể bị khai thác cạn kiệt. Chỉ có trí tuệ của con người mới là nguồn lực vô hạn, có khả năng tái sinh và tự sinh không bao giờ cạn kiệt. Đặc biệt các nguồn lực khác sẽ không được sử dụng có hiệu quả nếu không có nguồn lực con người có trí tuệ để khai thác chúng. Như vậy, để bồi dưỡng và phát huy được nguồn nhân lực chất lượng cao, văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng:

- Năm 1990, Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) đã đưa ra tiêu chí mới để đánh giá mức độ phát triển của một quốc gia: chỉ số phát triển con người; mức thu nhập bình quân và tuổi thọ. Chỉ số phát triển con người là thành tựu của giáo dục. Theo đó, quốc gia nào đạt được thành tựu giáo dục cao, tức là có vốn trí tuệ con người và xã hội phát triển hơn. Tài nguyên con người đó chính là vốn trí tuệ của một dân tộc.

*+* Với ***chức năng giáo dục***, văn hóa có vai trò trong việc xây dựng nguồn nhân lực có tri thức, hiểu biết về mọi lĩnh vực đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục đến khoa học - công nghệ, v.v.. Tất cả tri thức đó đều dựa trên một nền tảng học vấn vững vàng, trình độ ngày càng cao, phù hợp với xu thế của thời đại.

*+* Văn hóa đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong ***định hướng*** cho con người và xã hội, nhất là thế hệ trẻ, hướng đến những giá trị cốt lõi Chân - Thiện - Mỹ trong truyền thống nhân văn của dân tộc ta, đồng thời nâng các giá trị ấy lên ngang tầm thời đại.

*+ V*ăn hóa có khả năng khơi dậy tính sáng tạo của con người trong xu hướng phát triển văn hóa nói chung, chất lượng nguồn nhân lực nói riêng; xây dựng con người có phẩm chất về tư tưởng, lý tưởng, đạo đức, lối sống, đặc biệt là nhân cách văn hóa và khát vọng, đáp ứng những đòi hỏi của CMCN 4.0 cũng như công cuộc hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay và trong tương lai.

*+ Với* ***chức năng điều tiết,*** *văn hóa ngày càng thể hiện rõ hơn*các mối quan hệgiữa con người với chính bản thân mình, con người với môi trường tự nhiên và con người với cộng đồng xã hội. Nói cách khác, chức năng điều tiết của văn hóa thể hiện ở sự tác động đến*điều chỉnh và tự điều chỉnh* từ nhận thức, hành vi đến mọi hoạt động của mỗi người và của cả cộng đồng trong xã hội.

Một cách tổng quát, nhằm đáp ứng cho công cuộc xây dựng đất nước hiện nay: Văn hóa phải hướng tới việc giáo dục, đào tạo con người hội tụ được những phẩm chất tốt đẹp, vừa mang đậm nét truyền thống, cốt cách con người Việt Nam vừa phải phù hợp với những yêu cầu của thời đại. Thực hiện những chức năng như *nhận thức,* *giáo dục*, *thẩm mỹ*, *giải trí*, *kế tục và phát triển lịch sử*... văn hoá đóng vai trò quyết định trong việc hình thành các phẩm chất, nhân cách ở con người; nuôi dưỡng và phát triển nguồn lực con người chất lượng cao, có đức có tài; góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội. ”

* **Nền văn hóa tiên tiến:**

***+* Văn hóatiên tiến***:* Là yêu nước và tiến bộ, đậm đà tính nhân văn sâu sắc. Trong thời kỳ dưới sự lãnh đạo của Đảng, nội dung cốt lõi của văn hóa tiên tiến là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mac lênin và tu tưởng Hồ Chí Minh. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong phương tiện chuyển tải nội dung.

**Thứ nhất, nền văn hóa tiên tiến là nền văn hóa thể hiện tinh thần yêu nước và tiến bộ.**

Đặc trưng tiên tiến của nền văn hóa hiện đại dựa trên các giá trị văn hóa cao đẹp và tiến bộ của dân tộc và thời đại. Đó là chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - cơ sở chỉ đạo đời sống tinh thần dân tộc và là thành tố quan trọng của văn hóa.

Tính “tiên tiến” của nền văn hóa Việt Nam thể hiện ở mục tiêu mà nền văn hóa hướng tới là “độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”.

**Thứ hai, nền văn hóa tiên tiến phải thể hiện tinh thần nhân văn cách mạng.**

Xây dựng nền văn hóa nhân văn là hướng tới con người, giải phóng con người, phát triển và hoàn thiện con người. Chủ nghĩa Mác-Lênin là chủ nghĩa nhân văn “trực tiếp nhằm vào hành động” để giải phóng con người theo ý nghĩa cách mạng cao quý đó. Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh tinh thần giải phóng con người như là mục đích tối thượng của chủ nghĩa Mác-Lênin “muốn chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình”.

**Thứ ba, nền văn hóa tiên tiến là nền văn hóa mang tinh thần dân chủ.**

- Dân chủ là đặc trưng cơ bản của nền văn hóa tiên tiến, dân chủ là yếu tố làm thay đổi nhiều mặt đời sống văn hóa dân tộc. Dân chủ là động lực cho sự phát triển tài năng, nhu cầu sáng tạo của quần chúng nhân dân góp phần làm phong phú, đa dạng nền văn hóa dân tộc. Dân chủ gắn liền với tự do sáng tạo, tôn trọng cá tính sáng tạo, ý kiến cá nhân, giá trị cá nhân trong văn hóa và mọi hoạt động của đời sống xã hội.

**Thứ tư, nền văn hóa tiên tiến bao gồm tính hiện đại.**

- VH phải dần tiến kịp và hòa nhập với trình độ hiện đại của thế giới, phải hướng tới cuộc cách mạng khoa học và công nghệ để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- nâng cao trình độ tư duy khoa học, duy lý trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường, giải quyết các vân đê dân tộc đặt ra trên tầm thời đại.

- Nền văn hóa mới phải tạo ra những phẩm chất, đạo đức, tâm hồn, lối sống con người Việt Nam hiện đại ngang tầm với sự nghiệp đổi mới đất nước.

**Thứ năm, nền văn hóa tiên tiến thể hiện ở hình thức biểu hiện, phương tiện chuyển tải nội dung.**

Sử dụng các hình thức sáng tạo mới bằng các công nghệ hiện đại làm sâu sắc, phong phú và đa dạng các sản phẩm văn hóa dân tộc. Có cách thức và phương pháp tiên tiến để chuyển đổi nội dung và làm mới các giá trị văn hóa cổ truyền cho phù hợp với thời đại. Đồng thời phải xây dựng kết cấu hạ tầng của xã hội và văn hóa từng bước hiện đại hóa.

* **Nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc:**

Bản sắc văn hóa của một dân tộc là những đặc trưng về văn hóa, về đời sống tinh thần dân tộc ấy, là những nét đặc biệt, độc đáo về tinh thần, về văn hóa, về cách sống và sức sáng tạo để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác.

Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam là hạt nhân của tinh thần sáng tạo của dân tộc, truyền từ đời này sang đời khác, được làm giàu thêm bằng kinh nghiệm cuộc sống và sự sáng tạo của các thế hệ.

- Ví dụ về hoạt động nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc :

Hằng năm, nước ta diễn ra rất nhiều các lễ hội khác nhau, nhằm thể hiện nét đẹp truyền thống từ xa xưa và giữ gìn bản sắc dân tộc. Một số lễ hội điển hình như:

- 10/3 âm lịch diễn ra ngày giỗ tổ Hùng Vương

- Lễ hội chùa Hương đầu năm

- 8/4 âm lịch diễn ra lễ hội Thánh Gióng

*/\**

*- Thờ cúng tổ tiên.*

*- Tổ chức nhiều hoạt động tưởng niệm như: Ngày thương binh liệt sĩ, Quốc khánh,...*

*- Giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc như:*

*+ Thành lập nhiều viện bảo tàng lưu giữ nhưng tàn tích lịch sử lâu đời.*

*+ Các ngày lễ đặc biệt như: 20/10, 20/11, 8/3, ...*

*+ Các phong tục, tập quán được duy trì như: ăn trầu,...*

*+ Các lễ hội như: đua thuyền, kéo co, đấu vật,.....*

*- Tổ chức nhiều hoạt động văn hoá với các nước khác để tiếp thu văn hóa các nước cũng như truyền bá, tuyên truyền văn hóa, tinh hoa dân tộc nước mình.*

*\*/*

Ví dụ:  
– Áo dài VN là 1 nét văn hóa truyền thống của người Việt đã truyền từ đời này qua đời khác, và tiếp thu tính tiên tiến trong nền văn hóa và bắt kịp với nhịp sống hiện đại người dân VN đã sáng tạo nên những chiếc áo dài cách tân cách điệu nó đi mà vẫn giữ nét duyên dáng và cái truyền thống của áo dài mà k làm mờ nhạt đi cái văn hóa riêng đó.

***\* Bản sắc dân tộc của nền văn hóa mới được thể hiện như sau:***

+ Bao gồm cả những giá trị văn hoá truyền thống bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn, ý chí tự lực tự cường, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân-gia đình-làng xã- Tổ quốc, đó là lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, là đức cần cù, sáng tạo trong lao động, tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống… Còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo

+ Bản sắc dân tộc thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; cách tư duy, cách sống, cách dựng nước giữ nước, cách sáng tạo trong văn hoá, khoa học, nghệ thuật… nhưng được thể hiện sâu sắc trong hệ giá trị của dân tộc.

+ Để xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta vừa giữ gìn bản sắc dân tộc, đồng thời phải tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu văn hóa quốc tế, tiếp thu có chọn lọc cái hay, cái đẹp, cái tiến bộ trong văn hóa của các dân tộc khác để bắt kịp sự phát triển của thời đại, cũng là xây dựng thang giá trị mới của văn hóa Việt Nam.

**- Để xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta cần:**

+ Kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, đổi mới bản sắc dân tộc phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đem lại hạnh phúc cho nhân dân.

+ Phát triển văn hóa dân tộc đi đôi với giao lưu văn hóa với nước ngoài, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại làm giàu đẹp thêm văn hóa Việt Nam. Ngăn chặn và đấu tranh chống sự xâm nhập của những sản phẩm văn hóa, phản giá trị, chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng của các thế lực phản động hiện nay.

- Đứng trước những khó khăn và thách thức mới, chúng ta càng phải nhận thức được vai trò của bản thân trong xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo định hướng đã đề ra để góp phần xây dựng nền VH VN…,

**Liên Hệ Với Sinh Viên :**

Là công dân Việt Nam, chúng em luôn luôn tự hào về các truyền thống văn hóa lâu đời, đậm đà bản sắc dân tộc, tự hào về con người Việt, quê hương, đất nước Việt Nam…, có tinh thần yêu nước, luôn có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu. Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh , cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng, và luôn có ý thức bảo vệ môi trường.

*Truyền thống yêu nước:*

Chúng em nhận thức được rằng việc học tập và rèn luyện chính là yêu nước và chúng em sẽ cố gắng học tập tốt hơn nữa để tiếp tục phát huy và kế thừa những gì cha ông ta đã để lại

*/\**

*+Tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước: Người Việt luôn hướng về nguồn cội, ông bà, tổ tiên và quê hương của mình.*

*+ Tình thương yêu đồng bào, dân tộc, giống nòi: mỗi người dân Việt Nam yêu nước luôn cảm thông sâu sắc với nỗi đau của đồng bào, mong muốn đồng bào của mình có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc.*

*Ví dụ chứng minh: tham gia các hoạt động từ thiện,xây dựng trường học, bệnh viện ở những vùng xa xôi.*

*+ Lòng tự hào dân tộc chính đáng: sinh viên Việt Nam luôn tự hào về các truyền thống văn hóa lâu đời, đậm đà bản sắc dân tộc, tự hào về con người Việt, quê hương, đất nước Việt Nam…*

*\*/*

*Truyền thống uống nước nhớ nguồn :*

***/\****

***- Bác Hồ từng dạy: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Câu nói đó thể hiện thái độ trân trọng, biết ơn đối với những hy sinh của thế hệ trước mà cụ thể là vua Hùng để từ đó rút ra trách nhiệm của bản thân, của thế hệ sau với tương lai đất nước.***

**\*/**

**Ví dụ chứng minh: tổ chức đám giỗ để tưởng nhớ ông bà, tổ tiên, tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa…**

***Tinh thần đoàn kết****, tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách:*

**Ví dụ chứng minh: tham gia các hoạt động từ thiện, các hoạt động hiến máu nhân đạo, quyên góp tiền để ủng hộ đồng bào lũ lụt, những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, những người khuyết tật…**

*Cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập để xây dựng và phát triển đất nước,*

**Ví dụ chứng minh:**

– Là sinh viên, chúng em luôn đặt việc tôn sư trọng đạo lên đầu, giữ gìn đạo đức và nhân cách con người, có ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung. Thường xuyên trau dồi kiến thức, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn của mình. Và thường xuyên tìm hiểu về văn hóa cội nguồn dân tộc để luôn có cái nhìn đúng đắn về văn hóa dân tộc.

*Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại :*

Ví dụ :

– Giới thiệu tuyên truyền giao lưu văn hóa với bạn bè quốc tế về tinh hoa, bản sắc văn hóa VN để bạn bè quốc tế hiểu rõ hơn về Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học và các tiến bộ của nước ngoài.

– Sinh viên tiếp thu những tiến bộ, những công nghệ tiên tiến, tiếp thu bình đẳng giới, dân chủ và nhân quyền…trên tinh thần phù hợp với văn hóa dân tộc.

**Câu 4 : Làm rõ những thành tựu và hạn chế của 35 năm đổi mới**

**Về kinh tế:**

+ Đảng chú trọng đổi mới tư duy lý luận, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế. Nền kinh tế chuyển từ kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN (Đại hội VI, VII, VIII), sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN (Đại hội IX đến XIII)

+ Nền kinh tế được hình thành với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế:

5 loại hình kinh tế:

kinh tế nhà nước (toàn dân)

kinh tế tập thể

kinh tế tư nhân

kinh tế tư bản nhà nước ( thuộc sở hữu tư nhân)

kinh tế vốn đầu tư nước ngoài

* trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể được đổi mới gắn với cơ chế thị trường; kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định là động lực quan trọng của nền kinh tế, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế nước ta.

3 loại hình sở hữu:

Sở hữu Nhà nước (toàn dân)

Sở hữu tập thể

Sở hữu tư nhân

chuyển sang cơ cấu kinh tế hợp lý: nông nghiệp hàng đầu, công nghiệp nhẹ và dịch vụ.

Nhận thức về kinh te thị trường ngày càng hoàn thiện , trong đó nhất là chính sách , để phù hợp hội nhập

Đồng bộ thị trường trong nước và thị trường thế giới.

Với tư duy đổi mới như vậy thì sau 10 năm đổi mới. Thoát được lạm phát dần đi vào ổn định sau 35 năm đổi mới.

Năng suất lao động có phát triển nhưng còn tụt hậu xa so với thế giới.

+ Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng XHCN ngày càng rõ hơn (hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật tiếp tục được bổ sung phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế.

* Thành tựu lý luận: đổi mới toàn diện nhưng đổi mới về kinh tế là trọng tâm
* đại hội 8 9 10 11 12

+ Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước được phát triển đồng bộ, gắn thị trường trong nước với thị trường quốc tế.

+ Sau 10 năm (1986-1996), nền kinh tế Việt Nam ra khỏi khủng hoảng (Lạm phát từ 774% (1986) xuống 12% (1995); đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

+ Năm 2008, VN ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình.

+ Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn: trong 10 năm 2001-2010 tăng trưởng 7,26% /năm, 2011-2015; 2016-2020 khoảng 6%/ năm.

+ Thu nhập bình quân đầu người tăng lên: năm 2010 đạt 1.168 USD (gấp 3 lần so với năm 2000); Năm 2011-2015, quy mô và tiềm lực của nền kinh tế tiếp tục tăng lên; GDP năm 2015 đạt 193,4 tỉ USD, bình quân đầu người khoảng 2.109 USD; năm 2018 đạt 2.279 USD, năm 2020 đạt 2.500 USD, VN đã ra khỏi nhóm nước có thu nhập thấp; Năng suất lao động tăng từ 4,3% (2011-2015) lên khoảng 6% (2016-2020).

\* So sánh với khu vực và thế giới

* Năng suất lao động

Những năm qua, năng suất lao động của Việt Nam đã thu hẹp được khoảng cách tương đối với các nước ASEAN có trình độ phát triển cao hơn.

Nếu năm 2011, năng suất lao động của Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia lần lượt gấp năng suất lao động của Việt Nam 17,6 lần; 6,3 lần; 2,9 lần và 2,4 lần thì đến năm 2018 khoảng cách tương đối này giảm xuống tương ứng còn 13,7 lần; 5,3 lần; 2,7 lần và 2,2 lần.

\* Cạnh tranh

-Năm 2017 Việt Nam xếp hạng thứ 55 trên 137 nền kinh tế, tăng 5 bậc so với năm 2016 và là thứ hạng cao nhất của Việt Nam kể từ khi WEF công bố GCI

-Trải qua 10 năm, chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam đã cải thiện được 13 bậc, từ thứ hạng 68/131 năm 2007 đã lên 55/137 năm 2017, chuyển từ nhóm nửa dưới của bảng xếp hạng cạnh tranh toàn cầu lên nhóm nửa trên.

-Việc đạt thứ hạng 55 trong bảng năng lực cạnh tranh toàn cầu, tăng 20 bậc so với cách đây 5 năm là nỗ lực vượt bậc của nền kinh tế Việt Nam

-Xét riêng theo từng nhóm yếu tố thành phần cấu thành chỉ số năng lực cạnh tranh tổng hợp thì Việt Nam chỉ đứng trên Lào và Cam-pu-chia trong khu vực ASEAN.

\* Bình quân đầu người

-GDP bình quân đầu người Việt Nam hiện nay thua thế giới 8.400 USD. Cách đây 30 năm, GDP bình quân đầu người của thế giới hơn Việt Nam 3.900 USD, đến nay khoảng cách đã là hơn 8.000 USD, gấp đôi, và khoảng cách vẫn tăng qua các năm.

* Thành tựu về số liệu

***Về chính trị***: Chính trị ổn định vì do 1 đảng lãnh đạo: quá trình phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trịcó trịnhiều chuyển biến tích cực và ngày càng được mở rộng.

Đổi mới đảng xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh

Xây dựng nhà nước pháp quyền

Hệ thống chính trị từng bước được đổi mới để phù hợp yêu cầu của đất nước trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả quan trọng...

Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường

Hệ thống chính trị việt nam:

+Tổ chức chính trị:

+ nhà nước xhcn việt nam.

+ Đảng cộng sản việt nam (hạt nhân lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị và lãnh đạo cả cơ quan nhà nước (quốc hội) , đảng quyền lực đứng trên quốc hội.

Đảng khác nhà nước

+Tổ chức chính trị - xã hội:

+ mặt trận tổ quốc việt nam

+đoàn thể chính trị xã hội:

+đoàn thanh niên cộng sản vn

+ hội liên hiệp phụ nữ VN

+hội liệt sĩ

Nhà nước 🡪 quốc hội 🡪 hội đồng nhân dân 🡪 tỉnh

Nhà nước 🡪 cơ quan hành pháp ( chinh phủ ) 🡪 ủy ban nhân dân

Nhà nước 🡪 cơ quan tư pháp 🡪 tỉnh

Tỉnh 🡪 sở

Huyện 🡪 phòng

3 cơ quan này ở nước ngoài là độc lập , nhưng ở việt nam là có thể liên quan

Đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới các cơ quan này để hoạt động hiệu quả hơn, nhanh gọn nhẹ.

**Về văn hóa – xã hội**: Văn hoá, xã hội đạt được nhiều thành tựu trong giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy các giá trị văn hóa; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên. Đã hoàn thành phần lớn mục tiêu Thiên niên kỷ do Liên Hợp quốc đề ra cho năm 2015.

Chỉ số phát triển con người tăng từ 0,683 năm 2000 lên 0,733 năm 2008, xếp thứ 100/77 nước tham gia xếp hạng. Thu nhập thực tế sau 10 năm gấp 3,5 lần so với năm 2000; Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân cả nước từ 1,5 -2% /năm; năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 6%; xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả, chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn giảm (từ 2,3 lần năm 1999 xuống còn 2,09 lần năm 2004 và 2 lần năm 2008).

**Đổi mới toàn diện giáo dục , đặc biệt là đh để đáp ứng nhu cầu nhân lực công nghệ cao.**

**Tuy nhiên còn khó khăn trong tiếp thu công nghệ nước ngoài**

**Xây dựng nền văn hóa việt nam đậm đà bản sắc.**

**Tuy nhiên còn nhiều điều lạc hậu , thua xa nước ngoài**

**Về ngoại giao**: Quan hệ đối ngoại ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; đóng góp ngày càng tích cực và có trách nhiệm với khu vực và thế giới. Đến năm 2018, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 188 nước trong tổng số 193 nước thành viên Liên hợp quốc. Có quan hệ với tất cả các nước lớn trong Hội đồng Bảo An Liên Hợp quốc. Đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với các nước như Nga, Trung Quốc nước, Nhật Bản… đối tác toàn diện với nhiều nước…

* **Việt nam hội nhập càng sâu rộng với thế giới , chịu ảnh hưởng của quốc tế, ví dụ chiến tranh hiện nay ở ucraina, làm cho thị trường thế giới chao đảo.**

**Về quốc phòng an ninh**: Quốc phòng, an ninh được tăng cường; nhận thức và thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh ngày càng hoàn thiện…Những kết quả đạt được trong xây dựng kinh tế - quốc phòng, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị trên đất liền và phân định trên biển với các nước liên quan, đã góp phần nâng cao thế và lực của đất nước, tăng cường sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc.

Tóm lại: những thành tựu trên đã *tạo tiền đề, nền tảng quan trọng* để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*.

\* *Hạn chế, khuyết điểm:*

*-* Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải tổng kết để tiếp tục làm rõ.

- Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô có lúc thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp.

- Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội.

- Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) nêu lên vẫn tồn tại

(tụt hậu xa về kinh tế, chệch hướng XHCN, tham nhũng lãng phí trong Đảng,

âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch), có mặt diễn biến phức tạp, khó lường.

Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút….

\* **Một số kinh nghiệm trong 30 năm đổi mới**

*Một là,* trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

*Hai là,* đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Ba là,* đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật, xuất phát, bám sát và coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận.

*Bốn là,* đặt lợi ích quốc gia-dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

*Năm là,* thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường quan hệ mật thiết với nhân dân.

**Vấn đề 3 : 4 nguy cơ và biện pháp ngăn chặn trong thời kì đổi mới .**

Đến Đại hội VIII, Đảng ta khẳng định: “Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ nêu lên cho đến nay vẫn là những thách thức lớn. Các nguy cơ ấy có mối liên hệ tác động lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào”(2). Gần đây nhất, tại Đại hội lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục nhận định: “Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, cản trở đến việc thực hiện mục tiêu xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa.

**Thứ nhất, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới vẫn là một thực tế**

**Biểu hiện**

Tụt hậu về kinh tế được biểu hiện trên rất nhiều mặt như thu nhập bình quân theo đầu người; năng suất lao động; năng lực cạnh tranh... Tất cả các mặt này chúng ta vẫn còn có nhiều hạn chế.

Năng suất lao động vẫn còn thấp so với nhiều nước trên thế giới, do nền kinh tế vẫn đang trong mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, dựa trên khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ, nền kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với sức ép cạnh tranh rất gay gắt mà nếu không đáp ứng được có thể bị thua ngay trên sân nhà.

Thu nhập bình quân đầu người của nước ta tăng lên, chúng ta đã bước vào các quốc gia có thu nhập trung bình nhưng vẫn còn khoảng cách lớn về thu nhập so với thế giới.

ở năm 1990 việt nam là: 95,19USD, thì ở Mỹ là: 23.888USD, ở Nhật là: 25.371 USD, còn ở Sing là: 11.861 USD

Thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam năm 2017 là: 2.385 USD, còn ở Mỹ là: 60.109USD, của Singapore là 61.176 USD, của Nhật bản là: 38.386 USD.

Sự tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực Đông Nam Á cũng thấy rõ. Thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 2017 chỉ tương đương mức GDP bình quân đầu người của Malaysia năm 1990 (2.441 USD); của Thái Lan năm 1993 (2.208 USD); của Indonesia năm 2008 (2.300 USD). Như vậy, Việt Nam đi sau Malaysia 27 năm; Thái Lan 23 năm; sau Indonesia và Philippines 9-10 năm... theo các tính toán như trên. Mặc dù chúng ta tự hào tốc độ tăng GDP cao hơn nhiều nước trên thế giới nhưng vì quy mô GDP của Việt Nam nhỏ hơn nhiều nước nên dù tốc độ tăng cao thì về mặt giá trị tuyệt đối GDP lại tăng không bằng các nước khác. Giá trị tăng 7% trên 1 quy mô GDP nhỏ như Việt Nam thua xa so với giá trị tăng dù chỉ 1-2% trên 1 quy mô GDP gấp chúng ta nhiều lần. Sau 15 năm, tổng GDP của Việt Nam mới chỉ tăng 160 tỷ USD, trong khi với Thái Lan, con số này là 270 tỷ USD, Malaysia là 200 tỷ USD, đặc biệt là Indonesia có mức tăng trưởng kỷ lục với 700 tỷ USD và Hàn Quốc là 850 tỷ USD. Việt Nam dù có nhiều cố gắng nhưng vẫn chưa lọt vào danh sách ASEAN 6 mà vẫn nằm ở top cuối của ASEAN.

**Ảnh hưởng**

Nếu để nền kinh tế lạc hậu chúng ta sẽ không phát triển bền vũng nghèo, thu nhập thấp đời sống nhân dân bị ảnh hưởng và bị lạc hậu thụt lùi so với các nền kinh tế khác trong khu vực và thế giới

**Biện pháp bổ sung:**

-Cần đẩy mạnh việc phát triển giáo dục, phát triển, tạo điều kiện, trang bị cơ sở vật chất cho các trường cao đẳng, đại học trở thành các trường xuất sắc, với mục tiêu hướng tới là trở thành các trường đại học nằm trong top đầu của thế giới, thay vì chỉ là các trường nằm trong top 100- 200 của thế giới

-cần phát triển việc xây dựng, bồi dưỡng trí tuệ của mỗi cá nhân, phải có suy nghĩ làm giàu từ nguồn tài nguyên vô hạn là trí tuệ của con người

- cần phát triển xã hội theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội

-tận dụng được những thành tựu cách mạng về công nghệ hiện nay

-Hiện nay, nền giáo dục của việt nam vẫn còn lạc hậu, chưa nắm bắt được những công nghệ tiên tiến hiện đại của ngày nay, vì thế, cần phải có một sự thay đổi tích cực và toàn diện ở nền giáo dục để tạo tiền đề phát triển nền kinh tế vững chắc.

**2, Thứ hai, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa vẫn tiềm ẩn**

Nguy cơ chệch hướng về chính trị là sai lầm về đường lối, xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin và những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học.

**Biểu hiện**

 Về văn hóa thể hiện ở xu hướng coi nhẹ văn hóa, không giữ gìn và phát huy được bản sắc, truyền thống văn hóa của dân tộc, chạy theo giá trị bên ngoài.

Về mặt kinh tế, nguy cơ chệnh hướng thể hiện ở chỗ nhiều doanh nghiệp, kể cả tư nhân và nhà nước thoát ly khỏi sự quản lý của nhà nước, chỉ biết làm giàu, thu lợi nhuận bằng mọi cách, không gắn vì lợi ích của đất nước, dân tộc và nhân dân. Doanh nghiệp vì lợi nhuận của mình mà xả thải gây ô nhiễm môi trường, gian lận thương mại, trốn thuế, không đảm bảo lợi ích của người lao động và người tiêu dùng, doanh nghiệp móc nối với một bộ phận công chức thoái hóa biến chất trong cơ quan quản lý nhà nước để có đặc quyền, đặc lợi, hình thành lợi ích nhóm không trong sáng. Kinh tế nhà nước chưa thể hiện được vai trò chủ đạo, đầu tàu và dẫn dắt nền kinh tế.

Về mặt chính trị: sự giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và hiệu lực quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, sự gia tăng của tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân;Xuất hiện tình trạng “nhạt Đảng, khô Đoàn, xa rời chính trị". Một bộ phận cán bộ, đảng viên, phần lớn còn trẻ tuổi, giảm sút niềm tin, phai nhạt lý tưởng cách mạng, sống thực dụng, xa rời truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

**Ảnh hưởng:**

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố bảo đảm định hướng XHCN của nền kinh tế thị trường và mọi hoạt động xã hội.

Trong nhịp điệu và tiến trình của công cuộc đổi mới, vai trò lãnh đạo của Đảng rất quan trọng, ở những bước chuyển giai đoạn thì vai trò lãnh đạo của Đảng càng đặc biệt được khẳng định. Điều đó cắt nghĩa vì sao suốt mấy chục năm qua, nhất là những năm gần đây, các thế lực thù địch không ngừng tấn công vào Đảng Cộng sản Việt Nam, cổ vũ cho con đường phát triển "kinh tế thị trường tự do", "đa nguyên, đa đảng", tìm mọi cách thủ tiêu, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng... nhưng đều nhận lấy sự thất bại và không bao giờ hiện thực được những mưu đồ, tâm địa xấu xa

Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, đường lối lãnh đạo của đảng là hoàn toàn đúng đắn, và là kim chỉ nam dẫn đường sự phát triển của đất nước Việt Nam. Đi lệch chệch hướng xã hội chủ nghĩa là đi vào đường cụt, gây ra nguy cơ sụp đổ toàn bộ chế độ.

**Biện pháp**

Trước hết, mỗi cấp ủy, tổ chức đảng và từng đảng viên cần giữ vững bản chất giai cấp và tính tiên phong của Đảng.

Hai là, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. con người, quốc gia và quốc tế.

Ba là, giữ vững và bảo vệ các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng.

Bốn là, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

**Biện pháp bổ sung:**

-cần xây dựng nhà nước pháp quyền:

+ xây dựng và thực thi một nền dân chủ, đảm bảo quyền lực chính trị thuộc về nhân dân, và nhân dân được thực hiện quyền dân chủ của mình thông qua dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện

+tổ chức và hoạt động xã hội trong khuôn khổ hiến pháp và Pháp luật

-đổi mới đảng, đổi mới bộ máy nhà nước, các tổ chức xã hội, sao cho phù hợp với đặc điểm hệ thống chính trị nước ta, theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, Đảng cần phải có những chính sách đúng đắn, để tạo được niềm tin vững chắc ở nhân dân

+tổ chức bộ máy nhà nước nhằm đảm bảo các cơ quan trong hệ thống chính trị hoạt động có hiệu quả, khắc phục tình trạng quan liêu, trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, nhà nước cần có các chế độ, chính sách lắng nghe những đóng góp, ý kiến của nhân dân.

+các tổ chức xã hội được thành lập nhằm bảo vệ quyền lợi và lợi ích của các thành viên trong từng tổ chức và vẫn đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật

**Thứ ba, nguy cơ từ những âm mưu, hành động “diễn biến hòa bình” của thế lực thù địch vẫn thường trực và có những biểu hiện mới**

Khái niệm

Thuật ngữ “diễn biến hòa bình” xuất hiện lần đầu trong đời sống chính trị thế giới vào năm 1949 để chỉ sự chuyển hóa các nước XHCN thành tư bản chủ nghĩa. “Diễn biến hòa bình” sau đó tiếp tục được bổ sung và hoàn chỉnh thành chiến lược vào cuối thập niên 80 của thế kỷ XX

Chiến lược “diễn biến hòa bình” thực chất là từng bước chuyển hóa tư duy, nếp nghĩ, tư tưởng, tâm lý của cán bộ, đảng viên, quần chúng, nhất là thế hệ trẻ, từ chỗ tin theo chủ nghĩa Mác - Lênin, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, vào con đường đi lên CNXH đến chỗ phủ nhận, cổ xúy cho chủ nghĩa tư bản, tham gia vào các hoạt động chính trị để lật đổ chế độ XHCN.

Bản chất của “diễn biến hòa bình” là hoạt động của các thế lực đế quốc tư bản lớn và cường quyền nhằm vào các nước có chế độ chính trị mà họ coi là không phù hợp với lợi ích của họ, bằng tổng hợp các biện pháp chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao, an ninh... để chuyển hóa chế độ chính trị của các nước này theo quỹ đạo có lợi cho họ

**Biểu hiện**

Chiến lược “diễn biến hòa bình” được tiến hành bằng tăng cường tiếp xúc, giao lưu, hợp tác kinh tế, văn hóa, thông tin, khoa học, giáo dục; đổ tiền của vào các nước XHCN để làm cho các giá trị Mỹ xâm nhập vào các nước này, đồng thời dùng mọi biện pháp để làm cho nhân dân, đảng viên ở các nước này chán ghét, căm phẫn Đảng Cộng sản và nhà nước XHCN, làm xuất hiện những nhân tố mới xa lạ dần với giá trị chuẩn mực của chủ nghĩa Cộng sản để thay đổi chế độ

. CNĐQ và các thế lực thù địch thường dùng các thủ đoạn như xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ Đảng Cộng sản, bôi nhọ CNXH, tuyên truyền tư tưởng tư sản và tô hồng, ca tụng xã hội tư sản hiện đại; bao vây, cô lập về kinh tế; đồng thời, sử dụng viện trợ để gây sức ép, thao túng, làm chuyển hóa nền kinh tế XHCN theo con đường TBCN; dùng các chiêu bài tự do, dân chủ, nhân quyền, các vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động, gây mâu thuẫn nội bộ, lôi kéo, mua chuộc các phần tử thoái hóa, biến chất, bất mãn, bất đồng quan điểm để chống phá CNXH, xây dựng và cài cắm lực lượng chống CNXH từ trong lòng các nước XHCN...

Những thủ đoạn trên của CNĐQ và các thế lực thù địch tác động toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; phối hợp tác động cả bên ngoài và bên trong, cả tổ chức và con người, với tất cả các tầng lớp, thành phần xã hội trong các nước XHCN để gây nên “tự diễn biến” từ từ, thầm lặng, làm mục ruỗng chế độ XHCN từ bên trong, dẫn tới “tự chuyển hóa”, làm sụp đổ chế độ XHCN.

**Ảnh hưởng:**

- **Trước hết, nó đã làm cho chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.** Điều này buộc *các nước xã hội chủ nghĩa còn lại* đang phải đương đầu với những thử thách to lớn.

- làm chuyển hóa nền kinh tế XHCN theo con đường TBCN.

- tạo ra diễn biến và sự chuyển hóa ở cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng; làm mất lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

- Đồng thời thông qua nhiều con đường khác nhau khuếch trương cái giá trị văn hóa phương Tây, gieo rắc các sản phẩm đồi trụy, độc hại, quan điểm, tư tưởng, lối sống đề cao giá trị vật chất, sùng ngoại, v.v.

- Đối với sinh viên:

+ Với lượng thông tin sai trái, thù địch trên mạng lớn gấp rất nhiều lần so với cách truyền bá thủ công trước đây, lại được tuyên truyền hằng ngày hằng giờ, đã thực sự tác động mạnh mẽ đối với cộng đồng cư dân mạng. Thực tế cho thấy một bộ phận cư dân mạng, nhất là “học sinh, sinh viên, đã và đang chịu tác động tiêu cực của mặt trái công nghệ thông tin, bị mê hoặc, lung lạc bởi những ''điều phi lý'' trên mạng internet, trở thành nạn nhân "một cách rất tự nhiên".

+ Một số thanh niên, sinh viên phai nhạt lý tưởng, mắc căn bệnh "nhạt Đảng, khô Đoàn, chán chính trị". Một số sinh viên đề cao quan điểm “dân chủ tư sản”; sống thực dụng, ích kỷ, cá biệt có hiện tượng tha hoá về nhân cách; một số viết bài cho đài nước ngoài nói xấu chế độ ta để xin học bổng. Ngoài ra, còn hàng trăm thanh niên do nhận thức mơ hồ hoặc bị lừa phỉnh đã tham gia vào các cuộc bạo loạn chính trị ở Tây Nguyên.

**Biện pháp**

**Một là:** Thường xuyên nâng cao bản lĩnh chính trị, củng cố và giữ vững trận địa chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ.

**Hai là:** Xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, xây dựng mọi phương án chiến đấu, luyện tập thành thạo các phương án không để bị động, bất ngờ khi có tình huống xảy ra.

**Ba là:** Thường xuyên củng cố và phát huy vai trò các tổ chức, quản lý chặt chẽ đơn vị về mọi mặt thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phòng chống “Diễn biến hòa bình”.

**Bốn là:** Phối hợp với địa phương và các đơn vị bạn xây dựng địa bàn vững mạnh, an toàn, kịp thời ngăn chặn và đập tan khi có tình huống bạo loạn xảy ra.

**Đối với sinh viên:**

+Thứ nhất, đưa vào nội dung giảng dạy những tri thức cơ bản giúp học sinh, sinh viên nhận thức rõ con đường đi lên CNXH và góp phần đấu tranh với các quan điểm sai trái

+Thứ hai, các Bộ, ban ngành hữu quan (Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Công An, Ban Tuyên giáo Trung ương…) cần phối hợp, kết hợp trong xây dựng, triển khai và áp dụng các nội dung về âm mưu DBHB của lực lượng thù địch, về con đường đi lên CNXH ở nước ta trong sách giáo khoa ở các cấp học, bậc học, nhất là cấp phổ thông

+Thứ ba, cần giải quyết dứt điểm, nhanh gọn, không để lan rộng những vấn đề phức tạp nảy sinh trong nhà trường phổ thông và đại học, không để các lực lượng thù địch, phản động lợi dụng vào tuyên truyền phá hoại tư tưởng, lôi kéo, tập hợp lực lượng đối lập trong học sinh, sinh viên.

+Thứ tư, phối hợp giữa các cơ quan chức năng với lãnh đạo nhà trường ngăn chặn và đẩy lùi những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, tăng cường giáo dục đạo đức lối sống trong học sinh, sinh viên

=>Và dĩ nhiên, con đường nhanh nhất đạt được mục đích đó là tuyên truyền, giáo dục, quán triệt những nội dung liên quan đến con đường đi lên CNXH và sự cảnh giác với âm mưu phủ nhận con đường đi lên CNXH ở nước ta.

**Biện pháp bổ sung:**

-cần phát triển, cải thiện đời sống nhân dân. Nhà nước cần quan tâm, lắng nghe ý kiến của nhân dân mà sửa đổi, từ đó nhân dân không có lý do để chống đối và dần đặt niềm tin vào chính quyền và Đảng.

**Thứ tư, tình trạng tham nhũng, lãng phí chưa được ngăn chặn, đẩy lùi**

Tham nhũng là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, mưu lợi cá nhân.

**Biểu hiện**

Tham nhũng vật chất: Là dạng tham nhũng nhằm thỏa mãn những nhu cầu vật chất của cá nhân như tiền bạc, tài sản... Đây là dạng tham nhũng phổ biến và dễ nhận thấy. Trước đây, tham nhũng vật chất chủ yếu chỉ xảy ra ở lớp người có quyền lực với thủ đoạn chủ yếu là dùng quyền lực được giao để chiếm đoạt tài sản của nhà nước, của công dân nhằm vụ lợi cá nhân, nhưng ngày nay tham nhũng vật chất đã lan rộng ra mọi tầng lớp dân cư trong xã hội, kể cả lớp người trước đây không thể tham gia vào hoạt động này như thầy giáo, thầy thuốc… Tại nhiều quốc gia đang phát triển, tham nhũng vật chất đã trở thành nguồn sống chủ yếu của một bộ phận quan chức và tầng lớp dân cư có địa vị trong xã hội.

Tham nhũng quyền lực: Là dạng tham nhũng mà người tham nhũng lợi dụng quyền lực cá nhân để đưa những người thân tín vào bộ máy công quyền cũng như vào các tổ chức chính trị, xã hội, đơn vị kinh tế, tài chính... vì động cơ vụ lợi. Tham nhũng quyền lực thường thể hiện ở các mức độ khác nhau như: Lạm dụng, vận dụng một cách sai trái các quyền hợp pháp được nhà nước và xã hội trao cho; tạo ra các hình thức để mở rộng quyền lực nhằm thỏa mãn những lợi ích không hợp pháp; lợi dụng quyền lực để thỏa mãn khát vọng về quyền lực nhằm duy trì quyền lực đã tham nhũng được hoặc mưu cầu cương vị quyền lực cao hơn… Điển hình cho dạng tham nhũng quyền lực là hiện tượng nhiều cá nhân không xứng đáng, không đủ phẩm chất, trình độ, năng lực nhưng lại chiếm giữ nhiều cương vị, nhiều vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước, các tổ chức, đơn vị kinh tế, tài chính. Tư tưởng “một người làm quan cả họ được nhờ”, “tham quyền cố vị” chính là biểu hiện rõ nét nhất của dạng tham nhũng này.

**Ảnh hưởng**

 Trước hết, tham nhũng làm thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước. Bởi lẽ, các cán bộ, công chức có chức vụ, quyền hạn nhận hối lộ của các doanh nghiệp để tạo điều kiện cho doanh nghiệp trốn thuế. Ngân sách là nguồn tài chính quan trọng để Nhà nước tái đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhưng thất thu ngân sách do tham nhũng trong ngành thuế làm giảm nguồn đầu tư phát triển. Bản thân ngân sách nhà nước đã ít ỏi do tham nhũng thì cũng chính tham nhũng lại tiếp tục làm lãng phí các nguồn chi ngân sách nhà nước. Tham nhũng làm giảm hiệu quả của đầu tư công. Có thể nói, tham nhũng làm giảm những lợi ích mà đầu tư công có thể đem đến cho xã hội, do đó nhiều nguồn lực của quốc gia cứ mãi ở dạng tiềm năng.

 Tham nhũng cũng làm giảm hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế đất nước vì tham nhũng làm cho hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng tồn tại và hoành hành phá hoại nền kinh tế trong nước.

Tham nhũng làm giảm năng suất lao động do lãng phí sức lực, trí tuệ, tiền của của nhân dân,

Tham nhũng làm hỏng môi trường kinh doanh và các quan hệ kinh doanh đúng đắn, quan hệ cạnh tranh lành mạnh,

Tham nhũng phát triển càng thúc đẩy nguy cơ chệnh hướng XHCN ở nước ta bộc lộ rõ, đặc biệt là chệnh hướng trong phát triển kinh tế.

Tham nhũng phát triển tạo cơ hội, mảnh đất màu mỡ cho các thế lực thù địch thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”.

Biện pháp

Để thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng về phòng, chống tham nhũng trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, cần thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

*Thứ nhất*, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, trong đó:

(1) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng.

(2) Nâng cao vai trò, trách nhiệm, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp phải cam kết về sự liêm khiết và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Các cấp ủy quản lý chặt chẽ đảng viên, cán bộ; thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, ngăn ngừa và phát hiện cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

(3) Ủy ban Kiểm tra các cấp cần làm tốt công tác tham mưu giúp cấp ủy kiểm tra, giám sát trong các lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao, dễ xảy ra sai phạm. Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các ban cán sự đảng, các tổ chức đảng và đảng viên ở các cơ quan nhà nước.

*Thứ hai*, hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

(1) Hoàn thiện Luật phòng, chống tham nhũng.

Cần tiếp tục sửa đổi để quy định một cách toàn diện, bao quát, nhất là quy định cụ thể các biện pháp để bảo đảm thực hiện việc công khai, minh bạch đầy đủ, kịp thời các hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị để mọi người biết. Cần quy định rõ các nguyên tắc, hình thức, nội dung, thời gian, trách nhiệm thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, để từ đó hạn chế sự tham nhũng.

Cần quy định các biện pháp hữu hiệu để quản lý, xác minh các tài sản, thu nhập của những người có chức vụ, quyền hạn; cần có các cơ quan, tổ chức chuyên trách quản lý, xác minh các bản kê khai tài sản, thu nhập xem có đúng không, có trung thực, chính xác không. Đặc biệt, cần quy định một cơ chế hữu hiệu theo dõi sự biến động tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn và trách nhiệm giải trình, làm rõ tài sản, thu nhập gia tăng không hợp lý, không rõ ràng.

Hoàn thiện các quy định tố cáo và giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng.

(2) Hoàn thiện pháp luật hình sự

Hình sự hóa hành vi làm giàu bất hợp pháp để tăng hiệu quả chế tài xử lý tham nhũng. Thực chất, hình sự hóa hành vi này là đảo ngược trách nhiệm chứng minh; nghĩa là trách nhiệm chứng minh tài sản có bất minh hay không được chuyển từ các cơ quan tố tụng sang người nắm giữ tài sản.

Bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với tội phạm đưa hối lộ và xây dựng chế tài thích hợp với pháp nhân.

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kiện dân sự để thu hồi tài sản tham nhũng.

*Thứ ba*, tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước để đấu tranh phòng, chống tham nhũng có hiệu quả.

(1) Nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp về nguy cơ tham nhũng, quan liêu từ sự tha hóa quyền lực nhà nước và vai trò kiểm soát quyền lực nhà nước trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

(2) Tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước nhằm phát huy cơ chế này trong phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay. Trong đó, Đảng và Nhà nước cần tập trung vào hoàn thiện cơ cấu, tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

(3) Hoàn thiện cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Bởi nếu quyền lực nhà nước được kiểm soát thì sẽ hạn chế được tham nhũng.

*Thứ tư*, xây dựng cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng độc lập để điều tra, xử lý các hành vi tham nhũng.

Cần thành lập một cơ quan phòng, chống tham nhũng chuyên trách do Tổng Bí thư hoặc Chủ tịch nước là người đứng đầu. Ban hành cơ chế, tổ chức hoạt động để cơ quan này có quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát vụ việc có dấu hiệu tham nhũng đối với tất cả các cơ quan, tổ chức, các cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương.

*Thứ năm*, xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh và không có vùng cấm đối với các hành vi tham nhũng. Đối với các vụ án tham nhũng cần xét xử nghiêm minh, kịp thời và công khai, với những mức hình phạt thích đáng đối với các hành vi và hậu quả đã gây ra. Áp dụng các biện pháp trừng phạt một cách triệt để đối với các hành vi tham nhũng dù người đó là ai, giữ bất cứ cương vị gì cũng phải xử lý. Trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng không có “vùng cấm”.

*Thứ sáu*, đổi mới chế độ tiền lương và các chính sách đãi ngộ cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đây được xem là một phương án phòng, chống hữu hiệu đối với nạn tham nhũng, nhất là tệ nạn “tham nhũng vặt”. Bởi một trong những nguyên nhân sâu xa của những hiện tượng tham nhũng, đó là chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức còn bất hợp lý, chưa đáp ứng được những nhu cầu cơ bản thiết yếu.

*Thứ bảy*, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có chế độ khen thưởng, bảo vệ đối với những cán bộ, công chức làm công tác phòng, chống tham nhũng. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, không khoan nhượng trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Có chế độ khen thưởng xứng đáng, đề bạt kịp thời những cán bộ, công chức có thành tích trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Đồng thời, cần sớm có cơ chế bảo vệ đối với những cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tham nhũng, cũng như gia đình họ.

xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, cần kiệm liêm chính.